

**TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ; PHÁT HUY TRUYỀN  
THỐNG “THÀNH PHỐ ANH HÙNG” VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN;  
ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO; ĐƯA HẢI PHÒNG TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ  
CẢNG HIỆN ĐẠI, VĂN MINH, ĐI ĐẦU TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

*(Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trình Đại hội đại biểu  
Đảng bộ thành phố lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030)*

-----

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ, chính quyền, quân và Nhân dân thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh Hải Dương trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, nhiều vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ, đặc biệt là đại dịch Covid-19, cơn bão Yagi, xung đột thương mại toàn cầu, tác động sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, với sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị; cùng niềm tin, sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân; bằng sự quyết tâm, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, Đảng bộ và chính quyền thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã tổ chức thực hiện đồng bộ các nghị quyết và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, nhiều điểm sáng nổi bật, tạo nền tảng vững chắc để tự tin bước vào giai đoạn phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

**PHẦN THỨ NHẤT**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

**I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, thành phố Hải Phòng (gồm tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng) đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh Hải Dương và đạt được những kết quả nổi bật:

## **A. VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐẠI HỘI**

Kết thúc nhiệm kỳ, thành phố Hải Phòng có 13/20 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, 07/20 chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu<sup>1</sup>. Tỉnh Hải Dương có 16/19 chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết, 03/19 chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu Nghị quyết<sup>2</sup>.

*(Kết quả cụ thể tại Phụ lục 1)*

## **B. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

### **1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức được quan tâm, triển khai đồng bộ, toàn diện**

Công tác xây dựng Đảng về chính trị được chú trọng, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng bảo đảm kịp thời, sát thực tiễn, rõ trách nhiệm, nhiệm vụ trong từng giai đoạn. Thành phố đã xây dựng Đề án xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội gắn với con người xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

Chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được nâng lên rõ rệt, ngăn chặn và đẩy lùi các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, không để phát sinh “điểm nóng”. Điểm nhấn quan trọng là Thành uỷ Hải Phòng ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 01/8/2022 về một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng bộ thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đặc biệt coi trọng, tạo được chuyển biến rõ nét trong việc noi gương, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống và ý thức tu dưỡng rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt và người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp

### **2. Công tác dân vận, thực hiện dân chủ được phát huy, tiếp tục tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân theo hướng gần dân, sát cơ sở**

---

<sup>1</sup> (1) Tăng trưởng GRDP, tỷ trọng GRDP của Hải Phòng trong GDP cả nước và GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; (2) GRDP bình quân đầu người; (3) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP); (4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, trong đó thu nội địa; (5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; (6) Sản lượng hàng hóa thông qua cảng; (7) Khách du lịch.

<sup>2</sup> (1) Số doanh nghiệp thành lập mới hằng năm; (2) Số giường bệnh/1 vạn dân; (3) Chỉ tiêu phát triển đảng viên.

Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận theo hướng cụ thể, lượng hóa, hướng về cơ sở. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai sâu rộng, nâng cao về hiệu quả với tổng số 7.310 mô hình được xây dựng, nhân rộng. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong Đảng, mở rộng dân chủ trực tiếp, công tác tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy ngày càng được quan tâm, xác định đối thoại với Nhân dân là khâu đột phá<sup>3</sup>. Tăng cường đối thoại theo chuyên đề, ngành, giới đối với những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống dân sinh.

Công tác dân vận của các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác dân vận trong phòng ngừa, xử lý “điểm nóng”, vụ việc phức tạp được quan tâm chỉ đạo; công tác nắm tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn được tăng cường<sup>4</sup>.

### **3. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ được thực hiện nghiêm túc, bài bản, đồng bộ, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ**

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, khẩn trương, quyết liệt và đạt được những kết quả rất quan trọng. Sau sắp xếp số lượng cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị và đầu mối bên trong của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị giảm mạnh, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch giao của Trung ương (từ 15% đến 20%). Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (114 xã, phường, đặc khu) đã chính thức đi vào vận hành ổn định, thông suốt, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng hiện đại, gần dân, sát cơ sở; làm tốt công tác tư tưởng cán bộ sớm ổn định bộ máy và hoạt động. Tập trung cao công tác chỉ đạo đại hội, đến hết ngày 22/8/2025, 118/118 đảng bộ trực thuộc Thành ủy đã tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030 (*vượt tiến độ Trung ương đề ra*).

Chú trọng củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Việc thành lập, phát triển tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực kinh tế tư nhân được tập trung triển khai, hằng năm đều vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra<sup>5</sup>. Chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ được nâng cao thông qua các mô hình sáng tạo “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”.

---

<sup>3</sup> Thành phố Hải Phòng đã tổ chức được 3.119 hội nghị, tỉnh Hải Dương tổ chức trên 2.000 hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân;

<sup>4</sup> Thành phố Hải Phòng chỉ đạo xử lý, giải quyết 8/8 vụ việc tôn giáo phức tạp, kéo dài nhiều năm; đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo

<sup>5</sup> Thành phố Hải Phòng: tính đến ngày 30/6/2025, đã kết nạp được 19.201/15.500 đảng viên, đạt 123,8% so với chỉ tiêu; bình quân mỗi năm thành lập 40 - 45 tổ chức đảng, đạt chỉ tiêu; tỉnh Hải Dương: Bình quân mỗi năm kết nạp được 2.070 đảng viên; cả nhiệm kỳ thành lập mới 184 tổ chức đảng.

Công tác cán bộ được thực hiện đúng quy định, bảo đảm chặt chẽ, khách quan, công khai, minh bạch. Thành ủy Hải Phòng ban hành Kết luận số 09-KL/TU, ngày 04/3/2021 tăng cường cán bộ trẻ giữ chức vụ lãnh đạo cấp huyện, cấp xã. Tỉnh Hải Dương triển khai việc đánh giá cán bộ thông qua kết quả thực hiện đăng ký công việc đột phá, sáng tạo<sup>6</sup>. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đổi mới cả về nội dung và phương thức. Hải Phòng là một trong những địa phương đầu tiên triển khai thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước theo Kết luận số 39-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được triển khai bài bản, đúng quy định.

#### **4. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng được tăng cường, đạt nhiều kết quả nổi bật**

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng theo tinh thần “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”; bảo đảm giám sát mở rộng, kiểm tra có trọng tâm, bám sát và phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị<sup>7</sup>. Nội dung các cuộc kiểm tra, giám sát tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, những vấn đề bức xúc mà cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm, tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra cách cấp<sup>8</sup>.

Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xem xét, giải quyết kịp thời xử lý kỷ luật nghiêm minh, công tâm, khách quan đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm<sup>9</sup>. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy định.

#### **5. Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải cách tư pháp bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả**

Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, xử lý có hiệu quả những vụ việc phức tạp, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự<sup>10</sup>. Ban Chỉ đạo Phòng

---

<sup>6</sup> Từ năm 2022 đến 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương đã phê duyệt 538 công việc đột phá, sáng tạo cho 300 lượt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

<sup>7</sup> Thành phố Hải Phòng: Các cấp ủy đảng đã tiến hành kiểm tra 6.780 tổ chức đảng, 8.246 đảng viên; Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra nghiệp vụ 10.380 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 2.778 tổ chức đảng và 3.423 đảng viên; Các cấp ủy đảng trong toàn tỉnh Hải Dương đã tiến hành kiểm tra 5.382 tổ chức đảng, 6.459 đảng viên; giám sát chuyên đề 3.003 tổ chức đảng và 5.207 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra nghiệp vụ 7.080 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 2.208 tổ chức đảng và 2.171 đảng viên

<sup>8</sup> Thành phố Hải Phòng kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 297 tổ chức đảng; 200 đảng viên; Tỉnh Hải Dương tiến hành kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 133 tổ chức đảng và 471 đảng viên;

<sup>9</sup> Các cấp ủy thành phố Hải Phòng thi hành kỷ luật 6 tổ chức đảng, 851 đảng viên; UBKT các cấp thi hành kỷ luật 7 tổ chức đảng, 367 đảng viên; tỉnh Hải Dương thi hành kỷ luật 26 tổ chức đảng, 1.989 đảng viên; Ủy ban kiểm tra các cấp thi hành kỷ luật 10 tổ chức đảng, 408 đảng viên; giải quyết khiếu nại 18 đảng viên; giải quyết tố cáo 11 tổ chức đảng, 121 đảng viên.

<sup>10</sup> Điển hình là Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng chỉ đạo giải quyết tình hình liên quan tranh chấp giữa các hộ nuôi nhuyển thê không phép và các doanh nghiệp khai thác cát kéo dài nhiều năm. Liên ngành các cơ quan nội chính tỉnh Hải Dương đã phối hợp, rà soát, đưa 12 vụ việc, 65 vụ án vào diện theo dõi, chỉ đạo.

chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực 02 địa phương đã chỉ đạo xử lý dứt điểm nhiều vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm<sup>11</sup>.

Công tác cải cách tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực, hoạt động xây dựng thể chế cơ bản được thực hiện đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

## **6. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng tiếp tục được đổi mới, chất lượng, hiệu quả được nâng lên**

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc và các nguyên tắc sinh hoạt Đảng; đổi mới tư duy, phong cách lãnh đạo quyết liệt, khoa học, sát thực tiễn, kết hợp hài hòa giữa tính toàn diện và trọng tâm, tập trung tháo gỡ những khó khăn, điểm nghẽn, việc mới, việc khó. Đặc biệt, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Thông báo số 1705-TB/TU, ngày 15/9/2023, phân công triển khai 31 nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết đến hết nhiệm kỳ. Kết quả cho thấy nhiều nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết khó khăn, phức tạp đã được hoàn thành vượt tiến độ, bảo đảm chất lượng, khẳng định hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

Điểm nhấn nổi bật trong nhiệm kỳ là đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong Đảng và hệ thống chính trị; việc tổ chức hội họp, giao ban, thảo luận được cải tiến theo hướng khoa học, linh hoạt, kết hợp trực tiếp với trực tuyến; đổi mới ban hành nghị quyết theo phương châm “rõ việc, rõ người, rõ nguồn lực, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm”.

## **7. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền được nâng lên rõ nét**

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; kịp thời kiện toàn tổ chức, bộ máy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đúng quy định.

Hội đồng nhân dân tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; lựa chọn nội dung kỳ họp sát thực tế, có chất lượng, tính khả thi cao. Ủy ban nhân dân kịp thời thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội,

---

<sup>11</sup> Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã chỉ đạo giải quyết xong 13/20 vụ án, vụ việc; Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thành phố đã chỉ đạo giải quyết xong 05/08 vụ án, vụ việc. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương đã chỉ đạo giải quyết xong 05/05 vụ án, vụ việc; Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh đã chỉ đạo giải quyết xong 14/14 vụ án, vụ việc.

quốc phòng - an ninh, đối ngoại của địa phương; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các ngành, địa phương; các kiến nghị của cử tri.

Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền số, đạt nhiều kết quả nổi bật, luôn trong топ đầu cả nước. Xây dựng chính quyền điện tử nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

## **8. Phát huy vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; mở rộng, củng cố sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân**

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội<sup>12</sup>. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được sắp xếp lại, bảo đảm hoạt động thống nhất, hiệu quả, phát huy vai trò nòng cốt trong tập hợp, khích lệ, động viên các tầng lớp Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân.

Tập trung tuyên truyền vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động tại cơ sở. Kịp thời huy động các nguồn lực xã hội, hỗ trợ Nhân dân phòng chống đại dịch Covid-19, khắc phục hậu quả cơn bão số 3 (Yagi) gây ra với mức hỗ trợ thuộc nhóm cao nhất cả nước<sup>13</sup>. Tích cực tham gia đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Hoạt động giám sát có nhiều đổi mới, nội dung sát với thực tiễn, tập trung vào các vấn đề được Nhân dân quan tâm. Tăng cường phản biện xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm của các hội đồng tư vấn, nhà khoa học, trí thức, các cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng, chuyên gia trong các giới, ngành, lĩnh vực.

## **C. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI**

### **1. Kinh tế duy trì tăng trưởng cao**

#### ***1.1. Thu, chi ngân sách; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; phát triển các thành phần kinh tế bám sát chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra và đạt kết quả khá***

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng tăng trưởng liên tục 4 năm liên tiếp vượt mốc 100.000 tỷ đồng, giai đoạn 2021 - 2025 đạt

<sup>12</sup> Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 26/6/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận các cấp thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

<sup>13</sup> Hải Phòng: Vận động các nguồn lực ủng hộ với kinh phí 222,5 tỷ đồng ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid - 19; huy động tổng số tiền 186,4 tỷ đồng hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả cơn bão số 3 (Yagi).

Hải Dương: vận động được 316, 154 tỷ đồng ủng hộ công tác phòng, chống Covid -19 vận động được 95,17 tỷ hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do cơn bão số 3 (Yagi) gây ra.

543.600,86 tỷ đồng, bình quân tăng 7,06%/năm; thu nội địa tăng 9,27%/năm. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025 đạt 125.994 tỷ đồng, bình quân tăng 13,3%/năm; thu nội địa tăng 13,9%/năm.

Điều hành ngân sách nhà nước chặt chẽ, bảo đảm cân đối, cơ cấu chi chuyển dịch tích cực, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển. Tổng chi ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Hải Phòng ước đạt 175.254,62 tỷ đồng, gấp 1,65 lần; chi đầu tư phát triển ước đạt 91.981 tỷ đồng, gấp 1,83 lần; chi thường xuyên ước đạt 78.067,68 tỷ đồng, gấp 1,5 lần giai đoạn 2016 - 2020. Trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 99.249 tỷ đồng, tăng 31% so với kế hoạch, bình quân 19.850 tỷ đồng/năm.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được đẩy mạnh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của Hải Phòng liên tục duy trì trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước; đặc biệt năm 2024, Hải Phòng đứng đầu bảng xếp hạng cả 03 chỉ số PCI và PAR Index và SIPAS. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hải Dương năm 2024 xếp thứ 14, tăng 33 bậc so với năm 2020; chỉ số đo lường mức độ hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong việc cung cấp dịch vụ hành chính công (SIPAS) liên tục duy trì trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

Tập trung phát triển kinh tế nhiều thành phần, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, nguồn lực xã hội cho phát triển. Giai đoạn 2021 - 2025, thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn Hải Phòng đạt 20,2 tỷ USD, gấp 1,89 lần giai đoạn trước. Trung bình mỗi năm có 3.384 doanh nghiệp thành lập mới, kinh tế tư nhân chiếm 86,3% vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn. Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn Hải Dương đạt 3,85 tỷ USD; số doanh nghiệp mới thành lập tăng bình quân 6,5%/năm; kinh tế tư nhân chiếm 85,1% vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn.

### ***1.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch; phát triển kinh tế thế mạnh tiếp tục được coi trọng và đạt kết quả tích cực***

Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực và nguồn lực chủ yếu. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP tăng dần qua từng năm<sup>14</sup>.

---

<sup>14</sup> Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tăng liên tục, dự kiến đạt 47% vào năm 2025.

Quy mô kinh tế thành phố Hải Phòng không ngừng được mở rộng, tốc độ tăng trưởng cao<sup>15</sup>. Sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục tăng trưởng<sup>16</sup>. Thành lập mới 10 Khu công nghiệp, 13 cụm công nghiệp, nâng tổng số lên 23 Khu Công nghiệp, 20 cụm công nghiệp. Kết cấu hạ tầng giao thông kết nối các trung tâm logistics với khu vực cảng biển quốc tế, kết nối với các vành đai, hành lang kinh tế được tập trung đầu tư<sup>17</sup>. Hệ thống cảng biển của thành phố phát triển mạnh mẽ<sup>18</sup>. Thị trường xuất khẩu tiếp tục được mở rộng, giai đoạn 2020 - 2024 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 317,3 tỷ USD, chỉ số thương mại điện tử của thành phố nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước<sup>19</sup>. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo được thành phố quan tâm thu hút, đầu tư<sup>20</sup>. Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển du lịch thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; khẳng định được thương hiệu du lịch Hải Phòng.

Tỉnh Hải Dương đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, tiếp cận nhanh với kinh tế số<sup>21</sup>. Đa dạng hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp, phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ<sup>22</sup>. Quy hoạch và xây dựng mới 08 khu công nghiệp và 24 cụm công nghiệp, nâng tổng số lên 20 khu công nghiệp và 60 cụm công nghiệp, đã và đang phát triển một số trung tâm logistics lớn<sup>23</sup>. Tích cực tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, đưa nhiều dự án quan trọng, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế đi vào hoạt động<sup>24</sup>.

---

<sup>15</sup> Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) giai đoạn 2021-2025 ước tăng bình quân 11,39%/năm.

<sup>16</sup> “Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp trong GRDP tăng từ 43,33% năm 2020 lên 49,85% năm 2025”; Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo đạt từ 46% năm 2020 lên dự kiến 68% năm 2025, vượt chỉ tiêu đề ra.

<sup>17</sup> Hiện nay, thành phố có 02 trung tâm logistics đi vào hoạt động: Trung tâm Logistics Green, Trung tâm tiếp vận Yusen Logistics và 02 trung tâm đang xây dựng: Trung tâm Dịch vụ Thương mại và logistics cảng cửa ngõ CDC Hải Phòng, Trung tâm logistics thuộc khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Deep C3).

<sup>18</sup> Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện đã đưa vào khai thác các bến số 1, 2, 3, 4, 5, 6; đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng các bến còn lại.

<sup>19</sup> Năm 2024, chỉ số Thương mại điện tử của Hải Phòng là 36, bình quân chung cả nước là 23; đứng thứ 5/58

<sup>20</sup> Hiện có 03 dự án điện tái tạo được xây dựng, bao gồm: Dự án cấp điện cho huyện đảo Bạch Long Vĩ; Dự án điện gió mặt trời áp mái; Dự án khai thác năng lượng gió của Deep C & Unison.

<sup>21</sup> Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giai đoạn 2021 - 2025 ước tăng bình quân 9,8%/năm. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, chiếm 92,2%. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế khoảng 53,2%.

<sup>22</sup> Toàn tỉnh có hơn 100 dự án cơ bản đáp ứng công nghệ mới, công nghệ sạch, 50 dự án phát triển sản phẩm trọng điểm, chủ lực; 60 dự án công nghiệp hỗ trợ.

<sup>23</sup> Dự án Trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang; Dự án Trung tâm dịch vụ logistics, cảng xăng dầu và hàng hóa, tại Minh Hòa, Kinh Môn; Trung tâm Logistics tại Ga Cao Xá, Cẩm Giàng.

<sup>24</sup> Tháo gỡ khó khăn, cấp phép mở rộng sản xuất cho công ty ô tô Ford; giải quyết các tồn tại của nhà máy nhiệt điện BOT Hải Dương...

### ***1.3. Phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng giao thông đạt được những kết quả quan trọng***

Không gian đô thị được mở rộng, hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư hoàn chỉnh, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh. Nổi bật là, thành phố Hải Phòng đã tập trung, quyết liệt triển khai các dự án nhà ở xã hội<sup>25</sup>, vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao đến năm 2025 là 15.400 căn; từng bước xử lý dứt điểm vấn đề nhà ở xã hội kết hợp giải quyết nhà ở cho các hộ dân sinh sống tại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố<sup>26</sup>. Phát triển không gian đô thị theo 03 hướng đột phá (*chi tiết tại Phụ lục 2*). Tỷ lệ đô thị hóa đạt 68,94%. Tỉnh Hải Dương tập trung phát triển đô thị theo hướng xanh, thông minh, bền vững. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45%.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung đầu tư hướng đồng bộ, hiện đại, tạo sự kết nối liên vùng và quốc tế. Thành phố Hải Phòng tập trung đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông đường bộ kết nối liên vùng<sup>27</sup>, cảng biển, đường thủy, hàng không, đặc biệt là cảng Lạch Huyện và Cảng hàng không quốc tế Cát Bi. Tỉnh Hải Dương đã quy hoạch mới các trục giao thông đường bộ chiến lược<sup>28</sup>, tập trung nguồn lực triển khai các dự án giao thông kết nối<sup>29</sup>. Huy động xã hội hóa đầu tư xây dựng 4 dự án giao thông<sup>30</sup>; phối hợp đầu tư xây dựng 06 cầu vượt sông lớn<sup>31</sup>. Triển khai đầu tư xây dựng hai cảng thủy nội địa quy mô lớn<sup>32</sup>.

### ***1.4. Xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực***

Hải Phòng là một trong những địa phương bố trí vốn ngân sách nhà nước trực tiếp lớn nhất cho thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (chiếm 10% tổng vốn ngân sách địa phương)<sup>33</sup>, hoàn thành xây dựng nông thôn mới

---

<sup>25</sup> Thành phố Hải Phòng có khoảng 5.200 căn NOXH hoàn thành của 10 dự án. Tiếp tục triển khai 10 dự án với số lượng 15.200 căn; có 6 dự án với quy mô khoảng 17.100 căn đã có chủ trương đầu tư, nhà đầu tư, đang hoàn tất thủ tục đề khởi công.

<sup>26</sup> Hoàn thành xây dựng chung cư HH1-HH2, HH3-HH4 Đồng Quốc Bình; bố trí quỹ nhà ở chung cư phục vụ tái thuê, tái định cư tại HH3, HH4. Hoàn thành, đưa vào sử dụng toàn bộ Khu nhà ở xã hội xã An Đồng, huyện An Dương.

<sup>27</sup> Các dự án đầu tư xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận; Dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp bến Rừng, huyện Thủy Nguyên; Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận...

<sup>28</sup> 6 trục kết nối hướng Bắc - Nam, 9 trục kết nối hướng Đông - Tây, vành đai I và vành đai II thành phố Hải Dương

<sup>29</sup> 57 dự án quan trọng với tổng chiều dài khoảng 285 km, tổng mức đầu tư gần 30.000 tỷ đồng; đã hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng 15 dự án, đang thi công 16 dự án, đang thực hiện chuẩn bị đầu tư 26 dự án.

<sup>30</sup> 02 nút giao với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; cầu vượt sông Sắt, đường tỉnh 394B nối QL.5 với đường tỉnh 395; cầu Đại An trên đường Vành đai I thành phố Hải Dương.

<sup>31</sup> Cầu Kênh Vàng, cầu Đồng Việt, cầu Quang Thanh, cầu Hải Hưng, cầu Dinh, cầu Triều.

<sup>32</sup> Cảng Logistic Hồng Phúc, Ninh Giang và Minh Hòa, Kinh Môn.

<sup>33</sup> Giai đoạn 2021-2025, tổng mức vốn bố trí trực tiếp là 15.663 tỷ đồng (gấp 5,03 lần so với giai đoạn 2010-2020).

giai đoạn 2021 - 2025<sup>34</sup>. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, sử dụng công nghệ cao<sup>35</sup>; có 259 sản phẩm OCOP còn hiệu lực<sup>36</sup>.

Hải Dương là một trong 5 tỉnh, thành phố đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới từ năm 2020<sup>37</sup>. Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp<sup>38</sup>, phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản<sup>39</sup>; có 388 sản phẩm OCOP<sup>40</sup>.

### ***1.5. Quản lý quy hoạch, xây dựng; quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường được chú trọng***

Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ, gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Việc quản lý đất đai, tài nguyên và công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học được chú trọng, gắn với kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản. Các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính được chủ động triển khai. Công tác bảo vệ và phát triển rừng đạt kết quả tích cực, tăng diện tích rừng trồng mới và nâng cao chất lượng rừng hiện có.

### ***1.6. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được đẩy mạnh, đạt hiệu quả rõ nét***

Thành phố Hải Phòng chú trọng phát triển khoa học và công nghệ, hướng tới mục tiêu trở thành trọng điểm phát triển khoa học và công nghệ biển của cả nước. Tỷ lệ đầu tư cho khoa học và công nghệ trong ngân sách thành phố tăng cao<sup>41</sup>. Tốc độ đổi mới công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15,02%; chỉ số đổi mới sáng tạo hai năm liền (2023, 2024) giữ vững vị trí thứ 3 cả nước. Tiềm lực khoa học công nghệ được nâng cao<sup>42</sup>. Thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Hải Phòng; đẩy mạnh thu hút đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ, nổi bật là Tổ hợp giáo

<sup>34</sup> 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (137 xã); 100% số xã nông thôn mới nâng cao (77 xã); 58,4% số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu (45/77 xã), 100% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới trong đó có 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thành phố Hải Phòng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024.

<sup>35</sup> Nông nghiệp công nghệ cao gồm 3 khu với tổng diện tích 336 ha: An Lão 200 ha rau; Vĩnh Bảo 100 ha rau; Tiên Lãng 36 ha thủy sản. Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gồm 13 vùng với tổng diện tích là 1.425 ha.

<sup>36</sup> 82 sản phẩm 4 sao, 177 sản phẩm 3 sao.

<sup>37</sup> 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới (151 xã), trong đó có 75 xã đạt chuẩn nâng cao và 32 xã đạt chuẩn kiểu mẫu, 12/12 huyện, thành phố, thị xã được công nhận huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

<sup>38</sup> Tỷ lệ cơ giới hóa ở các khâu: thu hoạch 98%, cấy máy 12%, phun thuốc bảo vệ thực vật 30%; đối với sản xuất rau màu, tỷ lệ cơ giới hóa ở khâu làm đất đạt 100%...

<sup>39</sup> Hiện có 208 cơ sở chế biến, 60 kho lạnh bảo quản nông sản (công suất từ 60-150 tấn/kho).

<sup>40</sup> 8 sản phẩm 5 sao, 89 sản phẩm 4 sao, 291 sản phẩm 3 sao

<sup>41</sup> Từ 63 tỷ đồng năm 2021 lên đến 217 tỷ đồng năm 2024, bằng 1,13% tổng chi thường xuyên.

<sup>42</sup> Thành phố có 41 phòng thí nghiệm, thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS (ISO/IEC 17025).

dục, khoa học công nghệ, đô thị với quy mô gần 100 ha (*chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ cao, AI và bán dẫn*). Tỉnh Hải Dương đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, đời sống<sup>43</sup>.

Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông được đầu tư đồng bộ<sup>44</sup>. Thành phố Hải Phòng tăng cường chuyển đổi số trong lĩnh vực cảng biển<sup>45</sup>; phát triển xã hội số<sup>46</sup>. Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn<sup>47</sup>; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số năm 2024 đạt 27,19%, đứng thứ 4 cả nước. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP của Hải Dương đạt 11,6%. Tập trung phát triển hạ tầng dữ liệu dùng chung; kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đạt 70%.

## **2. Phát triển văn hóa, xã hội và con người tiếp tục được quan tâm chăm lo, đạt kết quả toàn diện**

### **2.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển toàn diện**

Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn của hai địa phương duy trì ổn định ở nhóm dẫn đầu cả nước, tỷ lệ phổ cập giáo dục và xóa mù chữ đạt mức cao. Cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được duy trì<sup>48</sup>. Hai địa phương khẳng định vị trí nhóm đầu về thành tích thi học sinh giỏi quốc gia<sup>49</sup>, quốc tế<sup>50</sup>. Hải Phòng là một trong những địa phương đầu tiên thực hiện miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông<sup>51</sup>. Giáo dục nghề nghiệp tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như logistics, công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghệ cao<sup>52</sup>. Giáo dục đại học được nâng cấp về quy mô, chất lượng và ngành nghề đào tạo<sup>53</sup>. Các

<sup>43</sup> Đầu tư cho 127 đề tài, dự án gồm: nông nghiệp chiếm 50,4%; kỹ thuật và công nghệ chiếm 11,8%; y, dược chiếm 18,1%; khoa học xã hội chiếm 19,7%.

<sup>44</sup> Đến nay trên địa bàn thành phố Hải Phòng có hơn 50 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đang hoạt động với: 306 bưu cục, 7 đại lý, 335 điểm bưu điện văn hóa xã và 56 điểm phục vụ hình thức khác

<sup>45</sup> 100% các cảng có hệ thống quản lý cảng TOS, khoảng trên 40% các cảng đã ứng dụng các nền tảng cảng biển số.

<sup>46</sup> 24/25 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; 100% các đơn vị giáo dục đã triển khai thanh toán điện tử.

<sup>47</sup> Từ năm 2021 đến nay, toàn thành phố đã đưa vào khai thác mới 1.655 trạm thu phát sóng thông tin di động mặt đất (BTS) nâng tổng số trạm trên toàn thành phố là 4.690 trạm, trong đó có 340 trạm BTS công nghệ 5G

<sup>48</sup> Hải Phòng: tính đến tháng 9/2024 có 475/648 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 73,3%. Hải Dương: tính đến tháng 4/2025 có 687/779 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 88,2%.

<sup>49</sup> Hải Phòng: Năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022, đứng thứ 2 toàn quốc; năm học 2022 - 2023: đứng thứ 4 toàn quốc; năm học 2023 - 2024, 2024-2025: đứng thứ 3 toàn quốc; Hải Dương: Giải quốc gia: Năm học 2020 - 2021, đứng thứ 5 toàn quốc; năm học 2021 - 2022, đứng thứ 3 toàn quốc; năm học 2022 - 2023, 2023-2024: đứng thứ 6 toàn quốc; năm học 2024 - 2025: đứng thứ 5 toàn quốc.

<sup>50</sup> 06 giải quốc tế các môn văn hóa; 03 giải khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

<sup>51</sup> Tổng chi 1.134,545 tỷ đồng giai đoạn 2020 – 2024.

<sup>52</sup> Hải Dương có 35 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

<sup>53</sup> 04 trường đại học hiện đang đào tạo 49 chuyên ngành trình độ đại học. Giai đoạn 2021 – 2025, thành phố đã đào tạo gần 40.000 người có trình độ đại học và sau đại học.

chính sách an sinh giáo dục nhất là hỗ trợ giáo viên mầm non khu công nghiệp và học sinh hoàn cảnh khó khăn được triển khai đồng bộ, phát huy hiệu quả thực tiễn<sup>54</sup>.

## ***2.2. Phát triển văn hóa, thể dục, thể thao được chú trọng, đạt kết quả tích cực***

Chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, quan tâm, dành nguồn lực công trợ kinh phí trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa<sup>55</sup>; phát huy giá trị các hoạt động văn hoá, lễ hội truyền thống<sup>56</sup>. Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà và quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc được UNESCO công nhận Di sản thế giới.

Tăng cường đầu tư cho hoạt động văn hoá, nghệ thuật; tổ chức và đăng cai tổ chức nhiều hoạt động, sự kiện văn hoá, thể thao quy mô lớn. Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, từng bước phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, kinh tế thể thao. Quan tâm đầu tư, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển văn hoá, thể thao<sup>57</sup>. Công tác báo chí, thông tin xuất bản có chuyển biến tích cực; chủ động trong công tác truyền thông chính sách; phát huy vai trò của hệ thống thông tin cơ sở.

Phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh mẽ, giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường có chuyển biến tích cực. Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận trong nước và quốc tế, tập trung vào các môn thể thao mũi nhọn và Olympic<sup>58</sup>.

## ***2.3. Công tác y tế; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân được chú trọng***

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Hạ tầng y tế được đầu tư nâng cấp<sup>59</sup>, các kỹ thuật y tế tiên tiến được triển khai hiệu quả tại nhiều tuyến, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh hiện đại; nâng cao chất lượng điều trị

---

<sup>54</sup> Hỗ trợ 11.197 giáo viên có thu nhập thấp với tổng kinh phí là 115,37 tỷ.

<sup>55</sup> Từ năm 2021 đến nay Hải Phòng đã công trợ gần 38 tỷ đồng để tu sửa, tôn tạo 16 di tích quốc gia, 54 di tích cấp thành phố, huy động xã hội hóa trên 146 tỷ đồng; Hải Dương có 181 lượt đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích và đầu tư cơ sở hạ tầng, giao thông kết nối tại các di tích với tổng số tiền trên 3.000 tỷ đồng.

<sup>56</sup> Hải Phòng có Lễ hội Hoa Phượng Đỏ; Lễ hội Đền Trạng Trình; Lễ hội Nữ tướng Lê Chân... ; Hải Dương có Lễ hội Côn Sơn, lễ hội Kiếp Bạc, lễ hội đền Cao An Phú, lễ hội đình Trịnh Xuyên...

<sup>57</sup> Các cơ chế, chính sách về chế độ dinh dưỡng, khen thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao; các chương trình, đề án phát triển văn hoá, nghệ thuật.

<sup>58</sup> Từ năm 2021 đến nay, thể thao thành tích cao Hải Phòng tham gia 483 giải trong nước và quốc tế, giành được 2.030 huy chương các loại và phá 15 kỷ lục; các đội tuyển Tỉnh Hải Dương đạt 1.436 bộ huy chương các loại.

<sup>59</sup> Thành phố Hải Phòng triển khai 04 dự án với tổng kinh phí 567,63 tỷ đồng

chuyên sâu<sup>60</sup>. Hệ thống y tế ngoài công lập phát triển nhanh<sup>61</sup>, mạng lưới y tế cơ sở được quan tâm đầu tư. Chú trọng công tác y tế dự phòng, thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp khống chế, đẩy lùi dịch bệnh Covid 19 vừa duy trì sản xuất, chống đứt gãy chuỗi cung ứng và dần phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ban hành các cơ chế, chính sách nâng cao năng lực của ngành Y tế<sup>62</sup>.

Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao. Quan tâm công tác giảm nghèo, thành phố Hải Phòng đã hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo trước 01 năm so với Nghị quyết<sup>63</sup>. Chú trọng giải quyết việc làm<sup>64</sup>, thực hiện tốt chủ trương đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế<sup>65</sup>. Thu nhập bình quân đầu người tăng dần qua các năm<sup>66</sup>. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp của người lao động<sup>67</sup>.

### **3. Củng cố quốc phòng - an ninh; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, giữ vững; hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế và liên kết vùng được nâng cao**

Quốc phòng, an ninh, quân sự địa phương được củng cố, tăng cường; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm; xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh cả về tiềm lực và thể trận. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ, an ninh cơ sở vững mạnh, rộng khắp. Chủ động đấu tranh vô hiệu hóa mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh chính trị, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội được triển khai quyết liệt, căn cơ, bài bản, không để hình thành các băng, ô, nhóm tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; tập trung thực

---

<sup>60</sup> SPECT – CT, kỹ thuật chụp cắt lớp 128 dãy, kỹ thuật chụp mạch DSA, nội soi cắt kén khí, lổm ngực bẩm sinh, rút tĩnh mạch chi, điều trị bệnh Thalassemia, điều trị tiêu sợi huyết Ateplasethan nhân tạo...

<sup>61</sup> Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng – Vĩnh Bảo, Bệnh viện đa khoa Quốc tế Sơn Nhi, Bệnh viện đa khoa Gold Star, Bệnh viện Mắt Hà Nội – Hải Phòng, Bệnh viện Mắt quốc tế Việt – Nga Hải Phòng.

<sup>62</sup> Chính sách đặc thù về hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ, nhân lực ngành Y tế thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024 - 2030. Đề án “Nâng cao năng lực hệ thống y tế công lập thành phố Hải Phòng đến năm 2030”.

<sup>63</sup> Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Hải Dương giảm từ 2,15% (năm 2021) xuống còn 0,96% (năm 2024), hộ cận nghèo giảm còn 1,3%. Ước hết năm 2025 giảm 4/5 số hộ nghèo so với đầu kỳ.

<sup>64</sup> Giai đoạn 2021 - 2025 ước trung bình giải quyết việc làm cho 5,82 vạn lượt lao động/năm, vượt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dự kiến năm 2025 đạt dưới 3,5%, hoàn thành mục tiêu đề ra.

<sup>65</sup> Thành phố Hải Phòng hỗ trợ nhà ở cho 4.092 hộ gia đình người có công với cách mạng; Mức chuẩn trợ giúp xã hội của thành phố cao hơn 40% mức chuẩn trợ giúp xã hội quốc gia.

<sup>66</sup> Dự kiến năm 2025 ước đạt 7,32 triệu đồng/tháng, gấp 1,41 lần năm 2020.

<sup>67</sup> Ước tính đến năm 2025, số lao động tham gia Bảo hiểm xã hội là 482.285 người, tăng 91.882 người so với năm 2020; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 55% tổng số lực lượng lao động trong độ tuổi có việc làm (đạt mục tiêu 55%).

hiện Đề án 06 của Chính phủ, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh; xây dựng, phát huy tốt vai trò hoạt động của các tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Triển khai Đề án đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an thành phố Hải Phòng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới<sup>68</sup>.

Công tác đối ngoại được đẩy mạnh; đến nay, Hải Phòng có giao thương với trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ; có quan hệ hợp tác hữu nghị với 31 địa phương nước ngoài<sup>69</sup>, có 61 thỏa thuận hợp tác quốc tế<sup>70</sup>. Các hoạt động ngoại giao văn hóa được triển khai phong phú<sup>71</sup>. Làm tốt công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, hình thành mạng lưới người Hải Phòng ở nước ngoài và thu hút các nguồn lực kiều hối<sup>72</sup>. Công tác phi chính phủ có kết quả tích cực<sup>73</sup>.

**4. Kết quả thực hiện các giải pháp đột phá**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, thành phố Hải phòng đề ra 03 đột phá<sup>74</sup>, tỉnh Hải Dương đề ra 03 đột phá<sup>75</sup> và 03 công trình trọng điểm<sup>76</sup>. Các đột phá và công trình trọng điểm đã được hai Tỉnh, Thành phố tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực thực hiện; cơ bản đã triển khai, bám sát tiến độ và đạt kết quả.

*(Kết quả cụ thể tại Phụ lục 3)*

**5. Đánh giá chung**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, chủ động nắm

<sup>68</sup> Ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Đề án với tổng mức kinh phí 4.264 tỷ đồng.

<sup>69</sup> Hải Phòng: 26; Hải Dương: 5

<sup>70</sup> Hải Phòng: 56; Hải Dương: 5

<sup>71</sup> Tổ chức 135 sự kiện, hoạt động ngoại giao văn hóa ở trong và ngoài nước với nội dung phong phú đa dạng.

<sup>72</sup> Hải Phòng: Lượng kiều hối chuyển về qua ngân hàng ước đạt 1.6 tỷ đô la Mỹ (tăng 19,4% so với giai đoạn 2016 - 2020); Hải Dương: có 15 dự án của Việt kiều tại Anh, British Virgin Islands và Canada đầu tư với tổng số vốn 45 triệu USD.

<sup>73</sup> Hải Phòng: có 45 tổ chức phi chính phủ nước ngoài đăng ký hoạt động. Vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài ước đạt hơn 26,2 triệu đô la Mỹ; Hải Dương: có hơn 30 tổ chức phi chính phủ nước ngoài có giấy đăng ký hoạt động. Tỉnh đã tiếp nhận 111 khoản viện trợ với tổng giá trị viện trợ khoảng trên 6 triệu USD.

<sup>74</sup> (1) Xây dựng, phát triển, hiện đại hóa đô thị Hải Phòng mang bản sắc, đặc trưng riêng của thành phố Cảng biển, (2) Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, (3) Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước.

<sup>75</sup> (1) Môi trường đầu tư, kinh doanh, (2) Hạ tầng kỹ thuật, (3) Nguồn nhân lực.

<sup>76</sup> 1) Tuyến đường trục Bắc Nam huyện Thanh Miện, kết nối với nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường tỉnh 392 huyện Bình Giang đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, (2) Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao thuộc Khu liên hợp văn hóa thể thao tỉnh: Đã khởi công năm 2025, dự kiến hoàn thành năm 2027, (3) Hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công nghệ thông tin của chính quyền điện tử và đô thị thông minh cơ bản đảm bảo. Trung tâm dữ liệu DC của tỉnh đã đi vào hoạt động từ đầu năm 2024; Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC và Trung tâm giám sát an ninh không gian mạng SOC hoạt động từ đầu năm 2025.

bất thời cơ, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh Hải Dương với nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Thành phố Hải Phòng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong 10 năm liên tiếp, cơ bản đạt các chỉ tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, khẳng định vai trò trung tâm công nghiệp, cảng biển, logistics hàng đầu phía Bắc. Tỉnh Hải Dương duy trì ở mức tăng trưởng cao, vượt mục tiêu đề ra, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Sau hợp nhất, thành phố Hải Phòng có quy mô kinh tế lớn thứ 3 cả nước; từng bước hình thành các trục liên kết vùng, phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị và dịch vụ, khai mở nhiều động lực tăng trưởng chiến lược, tạo nền tảng quan trọng để Thành phố bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn tới.

*Những kết quả đó có được* trước hết là nhờ sự quan tâm, giúp đỡ, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ban, ngành; sự đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và toàn diện của Thành ủy Hải Phòng, Tỉnh ủy Hải Dương và các cấp ủy trong cụ thể hóa, vận dụng phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn; sự quản lý, điều hành nhạy bén, hiệu quả của chính quyền; sự đổi mới trong hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và các thành phần kinh tế. Trên hết, đó là tinh thần đoàn kết, lao động sáng tạo, ý chí vươn lên của cán bộ, đảng viên và Nhân dân hai địa phương, phát huy truyền thống cách mạng, văn hóa, khí phách người Hải Phòng và xứ Đông, tạo thành sức mạnh nội sinh to lớn cho sự phát triển. Những kết quả quan trọng này đã và đang khẳng định thành phố Hải Phòng là cực tăng trưởng mới, trung tâm phát triển năng động, có vai trò động lực của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế.

## **II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Hạn chế, yếu kém**

#### ***1.1. Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, vận động Nhân dân***

- Công tác quản lý, định hướng thông tin trên các trang mạng xã hội có lúc, có việc còn bị động, hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số

cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở còn thấp. Còn có cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào tham nhũng, tiêu cực, bị các cơ quan chức năng xử lý.

- Việc tự phê bình và phê bình, tính chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế; nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, cấp ủy chưa có nhiều đổi mới, còn hình thức, tính giáo dục và tính chiến đấu chưa cao. Nguồn cán bộ còn thiếu, nhất là những cán bộ được đào tạo bài bản, có chuyên môn sâu ở một số lĩnh vực. Số cán bộ có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn ít. Tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ chưa đạt yêu cầu. Còn có cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Việc chỉ đạo khắc phục các hạn chế, khuyết điểm sau kiểm tra, giám sát còn chậm. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo, kiến nghị, phản ánh... ở một số địa phương, có vụ việc còn chưa dứt điểm, còn để xảy ra tình trạng khiếu kiện vượt cấp, kéo dài. Việc tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực còn hạn chế.

- Chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận của các cơ quan nhà nước có nơi còn hạn chế. Việc lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có nỗ lực nhưng vẫn chưa mạnh mẽ, quyết liệt.

## ***1.2. Về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại***

- Thành phố Hải Phòng có 7/20 chỉ tiêu (đều là các chỉ tiêu kinh tế); tỉnh Hải Dương có 03/19 chỉ tiêu chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đạt yêu cầu; tỷ trọng khu vực dịch vụ giảm. Chưa có khu công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp hỗ trợ khu vực kinh tế trong nước còn hạn chế. Các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự phát huy hiệu quả. Thành phố thu hút được nhiều dự án FDI, tập đoàn đa quốc gia nhưng chưa có sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp nội địa, chuyển giao công nghệ, tỷ lệ nội địa hóa chưa cao.

- Công tác lập, phê duyệt và triển khai quy hoạch còn chậm, một số đồ án quy hoạch triển khai thiếu đồng bộ. Tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công tại một số dự án còn chậm.

- Hệ thống hạ tầng đô thị còn có mặt hạn chế, liên kết đô thị - nông thôn còn yếu, chưa phát huy tốt vai trò động lực, dẫn dắt của các đô thị trong phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các đô thị mới theo mô hình đô thị bền vững, đô thị xanh -

thông minh còn ít.

- Hạ tầng công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ tỉnh Hải Dương đáp ứng chưa đầy đủ nhu cầu sản xuất và đời sống. Việc ưu tiên đầu tư nguồn lực đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa được chú trọng đúng mức. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) mới đạt kết quả bước đầu, chưa tương xứng với tiềm năng.

- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn sai phạm, gây thất thu, thất thoát, chưa có biện pháp hữu hiệu xử lý dứt điểm những dự án đầu tư kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chưa hoàn thành.

- Công tác di dời cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư còn chậm; công nghệ xử lý rác thải rắn vẫn chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp; khu vực nông thôn phần lớn chưa có khu xử lý chất thải rắn tập trung; xây dựng nhà máy nước thải tập trung còn hạn chế. Quản lý nguồn tài nguyên nước còn bất cập, việc cung cấp nước sạch theo tiêu chuẩn cho khu vực nông thôn còn chưa bảo đảm yêu cầu.

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng cho phát triển bền vững còn yếu. Chậm ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ cao vào các ngành kinh tế mũi nhọn. Hạ tầng khoa học công nghệ chưa đủ năng lực hấp thụ, làm chủ các công nghệ tiên tiến. Chưa có nhiều viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trường đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo còn yếu.

- Hạ tầng, các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch còn chưa đồng bộ và hiện đại, một số chưa phát huy hết công năng, thiếu không gian sinh hoạt cộng đồng nhất là khu vực đô thị. Kinh tế thể thao, công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa quy mô còn nhỏ, lẻ; hiệu quả phát huy các di sản văn hóa chưa cao. Việc xây dựng, phát triển khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn trở thành trung tâm du lịch quốc tế còn chậm, chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục - đào tạo còn hạn chế. Mạng lưới khám chữa bệnh và chất lượng dịch vụ còn một số bất cập, chưa trở thành cơ sở y tế lớn cấp vùng.

- Công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao còn thiếu chủ động, chưa đáp ứng được sự phát triển của các ngành kinh tế thành phố.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp, nhất là an ninh mạng, trật tự an toàn giao thông diễn biến phức tạp.

- Một số thỏa thuận quốc tế đã ký kết nhưng triển khai còn hạn chế. Liên kết vùng hiệu quả chưa cao; vai trò Cảng cửa ngõ quốc tế của thành phố trong liên kết vùng còn hạn chế.

## **2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình quốc tế, khu vực và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khó lường; xuất hiện nhiều yếu tố mới, chưa từng có tiền lệ. Giá nguyên, nhiên, vật liệu các ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng khan hiếm, tăng cao; tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tín dụng biến động mạnh và áp lực cạnh tranh gay gắt gây khó khăn cho các nhà sản xuất và các dự án đầu tư tại thành phố. Các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp, dịch bệnh Covid-19, bão Yagi... ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân.

- Công ty Cổ phần sản xuất và kinh doanh Vinfast thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh làm giảm mạnh nguồn thu thuế (*kế hoạch xây dựng từ năm 2020, khi Vinfast đi vào hoạt động và sẽ chiếm thị phần lớn tiêu thụ ô tô trong nước, ước tính năm 2025 sẽ nộp trên 26.000 tỷ nhưng đến nay chỉ khoảng 1.000 tỷ đồng*). Bên cạnh đó, nhiều chính sách miễn, giảm thuế (*thuế bảo vệ môi trường, thuế VAT, lệ phí trước bạ với ô tô điện, tiền thuê đất...*) được ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ.

- Mô hình tổng thể tổ chức trong hệ thống chính trị còn chưa hoàn thiện. Việc phân cấp, phân quyền chưa thật sự mạnh mẽ; cơ chế đôn đốc, kiểm tra, giám sát và kiểm soát chưa thật sự hiệu quả.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước được cụ thể hóa chậm, có nội dung chưa sát thực tế, chưa bảo đảm tính hệ thống và toàn diện; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung chưa kịp thời. Công tác dự báo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa kịp thời, còn lúng túng, bị động, thiếu quyết liệt.

- Năng lực lãnh đạo, tầm nhìn, tinh thần trách nhiệm của một số lãnh đạo cấp ủy, cơ quan, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu và sự thay đổi nhanh chóng tình hình thực tế.

- Hiệu lực quản lý nhà nước ở một số ngành, lĩnh vực còn hạn chế, nguồn lực đầu tư từ ngân sách còn chưa đồng đều, nguồn lực từ xã hội hoá còn hạn chế; cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương nhất là xử lý những việc mới, việc khó có lúc còn bị động, thiếu chặt chẽ.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật đã bị xử lý, làm giảm niềm tin trong Nhân dân.

### **III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**Một là**, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ gắn với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao vai trò của tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tranh thủ sự quan tâm, giúp đỡ, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương và các địa phương.

**Hai là**, luôn đổi mới tư duy lãnh đạo, tư duy phát triển và phương thức lãnh đạo theo hướng bám sát thực tiễn, phản ứng linh hoạt với sự thay đổi của thực tiễn; năng động, sáng tạo, quyết tâm cao, lựa chọn đúng trọng tâm, trọng điểm, tập trung nguồn lực đủ mạnh và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao. Nhận diện, đánh giá đúng những hạn chế, yếu kém, điểm nghẽn, xác định rõ những nguyên nhân, đề ra giải pháp khắc phục kịp thời lấy hiệu quả làm thước đo, đánh giá cán bộ.

**Ba là**, phải luôn lấy "dân là gốc"; tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Xác định Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng phát triển thành phố; lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, củng cố và tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

**Bốn là**, tập trung cao xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực nổi trội, tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết vì sự nghiệp chung.

**Năm là**, phát huy toàn diện, đồng bộ và có hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, nội lực của địa phương, tranh thủ ngoại lực; đẩy mạnh hợp tác phát triển vùng, liên vùng; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; chú trọng bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống của Nhân dân.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ,**

### **GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ 5 NĂM 2025 - 2030**

#### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH**

##### **1. Thuận lợi và cơ hội**

Giai đoạn 2025 - 2030, thế giới và khu vực tiếp tục xu hướng hòa bình, hợp tác và phát triển. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh diễn ra sâu rộng, tái định hình chuỗi cung ứng và mô hình phát triển toàn cầu. Dư địa tăng trưởng mới dịch chuyển mạnh về khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Việt Nam nổi lên là điểm đến chiến lược trong mạng lưới sản xuất, thương mại toàn cầu đang tái cấu trúc. Việt Nam tiếp tục giữ vững ổn định chính trị - xã hội, hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế và uy tín quốc gia ngày càng nâng cao.

Trong bối cảnh đó, Hải Phòng khẳng định vai trò là một trong những cực tăng trưởng hàng đầu cả nước, trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics quốc gia, đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng Sông Hồng và duyên hải Bắc Bộ. Với vị trí là cửa ngõ quốc tế phía Đông Bắc của Việt Nam ra Biển Đông, kết nối hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đồng thời là điểm kết nối trực tiếp với trục giao thương ASEAN - Trung Quốc - Đông Bắc Á và chuỗi logistics toàn cầu với kết cấu hạ tầng đồng bộ, vận tải đa phương thức. Đây là điều kiện thuận lợi để Hải Phòng phát triển thành cửa ngõ giao thương quốc tế, trung tâm sản xuất, trung chuyển hàng hóa và đô thị biển hiện đại tầm khu vực. Cùng với tiềm năng phát triển, thành phố có môi trường chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh vững chắc, là điểm đến an toàn, ổn định và đáng tin cậy, đủ điều kiện để hình thành các trung tâm điều hành, sản xuất, logistics của các tập đoàn xuyên quốc gia.

Trung ương đã dành sự quan tâm đặc biệt với nhiều chủ trương mang tính chiến lược như: thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam, xây dựng Khu thương mại tự do thế hệ mới, khu kinh tế chuyên biệt; phát triển cảng Nam Đồ Sơn, Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng; đầu tư các tuyến đường sắt liên vùng; ban hành Nghị quyết 226/2025/QH15 về cơ chế, chính sách đặc thù; và chủ trương phát triển Hải Phòng thành trung tâm năng lượng sạch khu vực phía Bắc. Việc hợp nhất Hải Phòng - Hải Dương tạo ra một đô thị có dân số trên 4,6 triệu người, đứng thứ tư cả nước, quy mô kinh tế đứng thứ ba toàn quốc, tạo nền tảng vững chắc để thành phố vươn lên trở thành cực tăng trưởng có tầm ảnh hưởng khu vực và quốc tế. Bên cạnh

đó, với truyền thống và bề dày văn hoá của “đất Cảng Anh hùng, xứ Đông văn hiến”, bản lĩnh, khí phách, tinh thần dám nghĩ, dám làm, đổi mới, năng động, sáng tạo của người Hải Phòng là nguồn lực nội sinh quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển thành phố.

## **2. Khó khăn và thách thức**

Tình hình chính trị - an ninh thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tranh chấp chủ quyền biển đảo, nhất là ở Biển Đông, tiềm ẩn nhiều nguy cơ; các vấn đề an ninh phi truyền thống trong đó có an ninh mạng, thiên tai, dịch bệnh ngày càng ảnh hưởng sâu rộng. Các thế lực thù địch đẩy mạnh chống phá, lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để gây mất ổn định trên địa bàn chiến lược.

Kinh tế toàn cầu suy giảm, xu hướng bảo hộ gia tăng, dòng vốn đầu tư dịch chuyển có chọn lọc, gây nhiều thách thức trong thu hút FDI chất lượng cao, cũng như việc phát huy vai trò trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics của thành phố. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và các chính sách bảo hộ, rào cản thương mại ngày càng gia tăng. Đặc biệt, chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ có thể tác động trực tiếp đến các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng. Kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ; năng lực cung ứng đất sạch, hậu cần cảng, giao thông liên kết nội vùng - liên vùng còn hạn chế; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tài chính - thương mại quốc tế chưa hình thành rõ nét.

Việc triển khai mô hình chính quyền hai cấp bước đầu còn gặp khó khăn: sự hòa nhập về tổ chức, con người, chênh lệch phát triển nội vùng, phân cấp - phân quyền chưa đồng bộ. Dự kiến sửa đổi Luật Ngân sách Nhà nước theo hướng tăng điều tiết về Trung ương sẽ làm giảm khả năng chủ động đầu tư, chi cho an sinh xã hội và triển khai hiệu quả cơ chế đặc thù. Đặc biệt, để hiện thực hóa các định hướng chiến lược do Trung ương giao như khu thương mại tự do, cảng biển, sân bay quốc tế, khu kinh tế, thành phố cần vượt qua thách thức lớn về quy hoạch, thể chế, năng lực thực thi và huy động nguồn lực. Đây vừa là cơ hội lịch sử, vừa là thách thức lớn nếu thiếu quyết tâm chính trị, tầm nhìn dài hạn và sự chuẩn bị đồng bộ.

Thành phố cũng đang đối mặt với xu hướng già hóa dân số nhanh, thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, động lực tăng trưởng mới chưa phát huy trong ngắn hạn; trong khi áp lực cạnh tranh thu hút nguồn lực giữa các địa phương ngày càng gay gắt. Tất cả đang đặt ra thách thức lớn đối với mục tiêu đưa Hải Phòng giữ vững ở vị trí đô thị thứ ba cả nước, vươn lên ngang tầm với các đô thị tiêu biểu trong khu vực châu Á.

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

### 1. Quan điểm chỉ đạo

- Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng, các nguyên tắc xây dựng Đảng. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện; phát huy năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, sức mạnh của Nhân dân và cả hệ thống chính trị. Xác định Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của sự phát triển; lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân làm mục tiêu cao nhất và là động lực phát triển thành phố.

- Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đô thị cảng biển và trung tâm kinh tế vùng; mở rộng không gian phát triển, tổ chức hợp lý không gian đô thị - công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; gắn kết công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển đô thị biển hiện đại. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội, gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu; phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ logistics, kinh tế biển, năng lượng sạch và nông nghiệp công nghệ cao. Huy động tối đa mọi nguồn lực, ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, đặc biệt là hạ tầng số, hạ tầng giao thông liên vùng, cảng biển, sân bay, hạ tầng năng lượng và đô thị thông minh.

- Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế; phát huy truyền thống “*thành phố Cảng Anh hùng và xứ Đông văn hiến*”; coi trọng giáo dục - đào tạo, y tế và an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện chủ trương “*Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế*”; bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận, thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau.

- Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, nhất là doanh nghiệp, doanh nhân Hải Phòng; khơi dậy niềm tự hào quê hương, tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo và ý chí làm giàu chính đáng. Kiến tạo môi trường thuận lợi, minh bạch, tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân và doanh nhân lớn mạnh, đủ năng lực tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và đóng vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế thành phố.

- Hoàn thiện thể chế theo hướng kiến tạo, minh bạch và hiệu quả, là một động lực phát triển chiến lược. Xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại, linh hoạt, tiên phong thử nghiệm mô hình phát triển mới; phát huy vai trò đầu tàu thể chế trong vùng và cả nước.

## **2. Mục tiêu đến năm 2030**

Xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển công nghiệp hiện đại, văn minh, sinh thái và đáng sống tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; tiên phong trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo; là trung tâm kinh tế biển, du lịch chất lượng cao, dịch vụ - logistics và năng lượng sạch hàng đầu cả nước, trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ biển. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, an sinh và phúc lợi xã hội toàn diện, tiệm cận các thành phố tiêu biểu trong khu vực; quốc phòng - an ninh - trật tự an toàn xã hội vững chắc. Đảng bộ và hệ thống chính trị thành phố đoàn kết, có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao, cán bộ tiêu biểu về bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng cống hiến; đi đầu trong xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa.

## **3. Các chỉ tiêu chủ yếu**

### ***a) Các chỉ tiêu xây dựng Đảng***

(1) Kết nạp đảng viên: Phần đầu tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% tổng số đảng viên trở lên<sup>77</sup>.

(2) Thành lập 220 tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

(3) Đến hết năm 2027, 100% chính quyền xã, phường, đặc khu được công nhận đạt chuẩn “Chính quyền thân thiện” và 100% sở, ban, ngành thành phố được công nhận đạt chuẩn “Công sở thân thiện”.

(4) Hằng năm, 100% người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đối thoại với Nhân dân theo quy định.

(5) Hằng năm, 100% xã, phường, đặc khu; sở, ngành có mô hình “Dân vận khéo” gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực hoạt động, công tác của ngành, địa phương, đơn vị.

(6) 100% tổ chức đảng cấp dưới được kiểm tra, giám sát toàn diện trong nhiệm kỳ; 50% tổ chức đảng và đảng viên là người đứng đầu địa phương, đơn vị được giám sát chuyên đề.

(7) 100% đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên được xem xét, xử lý theo quy định.

---

<sup>77</sup> Theo Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

***b) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh***

(1) Tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 13%/năm trở lên, phần đầu đạt 14%/năm; trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 15,2%/năm; dịch vụ tăng 10,9%/năm; nông, lâm và thủy sản tăng 2%/năm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8%/năm.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2030 (giá hiện hành) đạt 11.247 USD/người.

(3) Tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt trên 35%.

(4) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 15,5% - 16,5%/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 đạt 47% - 48%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2030 đạt trên 60%.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt 245.500 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 122.000 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 đạt 2,4 triệu tỷ đồng.

(7) Kim ngạch xuất khẩu phần đầu đến năm 2030 đạt 75 tỷ USD trở lên.

(8) Sản lượng hàng hoá thông qua các cảng trên địa bàn năm 2030 đạt 380 triệu tấn.

(9) Khách du lịch đến năm 2030 đạt 25 triệu lượt.

(10) Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP đến năm 2030 đạt 57%.

(11) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân năm giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 11%/năm.

(12) Đến năm 2030, có khoảng 87.000 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn; số doanh nghiệp thành lập mới hằng năm khoảng 9.200 doanh nghiệp.

(13) Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số chuyển đổi xanh (PGI) hằng năm thuộc top 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phần đầu trong top 3.

(14) Phần đầu đến năm 2030: 80% số xã (tương ứng 55/67 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 50% số xã (tương ứng 34/67 xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- (15) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55% vào năm 2030.
- (16) Đến năm 2030, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đạt 62% - 63% lực lượng lao động trong độ tuổi của thành phố.
- (17) Chỉ số phát triển con người giai đoạn 2026 - 2030 đạt 0,8.
- (18) Hoàn thành khoảng 32.900 căn nhà ở xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030.
- (19) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100% vào năm 2030; có từ 01 nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trở lên.
- (20) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 40% trở lên vào năm 2030.
- (21) Xây dựng thí điểm từ 25 - 30 tiểu đội, trung đội dân quân thường trực ở các xã, phường, đặc khu được Bộ Quốc phòng công nhận trọng điểm về quốc phòng, an ninh.
- (22) Tỷ lệ điều tra khám phá các loại tội phạm đạt tỷ lệ trên 75%, các loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%.

### **III. CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC**

1. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; lấy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm đột phá trong phát triển. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; thí điểm mô hình đô thị, cảng biển, giao thông, khu công nghiệp thông minh tại một số địa bàn, lĩnh vực trọng điểm.
2. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển thành phố, đặc biệt là Khu thương mại tự do thế hệ mới. Tập trung rà soát, xây dựng và hoàn thiện thể chế và các cơ chế, chính sách phát triển thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố thông thoáng, hiện đại và cởi mở.
3. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch toàn thành phố, phát huy lợi thế tổng hợp về không gian, dân số, quy mô kinh tế và tiềm năng đa ngành để hình thành các vùng động lực tăng trưởng mới. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng chiến lược về cảng biển, công nghiệp, giao thông, logistics tạo đột phá mạnh mẽ trong liên kết vùng và kết nối quốc tế.
4. Xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch biển, văn hóa và di sản tầm khu vực, quốc tế, với các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với bản sắc văn hóa -

lịch sử, tài nguyên biển đảo và nông thôn. Phát huy giá trị và vai trò động lực của Cát Bà, Đồ Sơn, Côn Sơn - Kiếp Bạc để phát triển kinh tế xanh, du lịch bền vững, lan tỏa hình ảnh thành phố Cảng văn minh, thân thiện, đáng sống.

5. Tập trung đầu tư cho giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành mũi nhọn như: công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, khoa học công nghệ, kinh tế tuần hoàn, dịch vụ - logistics, kinh tế biển, y tế, giáo dục, du lịch... Đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài; xây dựng đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ chủ chốt các cấp có khát vọng cống hiến, bản lĩnh, dám nghĩ, biết làm, tiên phong đổi mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

#### **IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị**

***1.1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng***

*1.1.1. Tăng cường xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và đạo đức*

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo hướng thực chất. Phát huy dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ; nêu cao trách nhiệm nêu gương, bản lĩnh chính trị và tinh thần cống hiến của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất Đề án xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, dự báo dư luận xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân.

Đổi mới mạnh mẽ, quy định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện chỉ thị, nghị quyết theo hướng thiết thực, hiệu quả, sát thực tiễn. Phát huy vai trò của Ban Chi đạo 35, báo chí, mạng xã hội trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch. Đổi mới phương pháp giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực đạo đức cách mạng, các quy định về trách nhiệm nêu gương; xây dựng hình ảnh người cán bộ liêm chính, tận tụy, phụng sự Nhân dân và thành phố.

*1.1.2. Tiếp tục đổi mới công tác dân vận; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng*

Đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, sáng tạo, bám sát tình hình thực tiễn, hướng về cơ sở. Triển khai đồng bộ mô hình “Chính quyền thân thiện” tại các xã, phường, đặc khu; mô hình “Công sở thân thiện” tại các sở, ban, ngành thành phố. Nắm chắc tình hình Nhân dân, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo, chủ động triển khai các biện pháp công tác dân vận trong phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý các điểm nóng, vụ việc phức tạp.

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; thực hiện nghiêm Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật, xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ gây rối, làm mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Coi trọng việc lấy ý kiến Nhân dân trước khi ban hành cơ chế, chính sách. Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận; cụ thể hóa, xây dựng mô hình con người xã hội chủ nghĩa, mô hình xã hội chủ nghĩa từ cơ sở.

*1.1.3. Kien toan to chuc bo may he thong chinh tri thanh pho; xay dung doi ngu can bo thanh pho ngang tam yeu cau nhieu vu*

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thành phố tinh gọn, vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân hơn; phân cấp, ủy quyền hợp lý gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Quản lý, sử dụng hiệu quả, hợp lý biên chế được giao; rà soát, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Tập trung củng cố tổ chức đảng ở cơ sở; bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên, hội viên ưu tú, trưởng thành trong lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tăng cường trách nhiệm nêu gương, vai trò của người đứng đầu cấp ủy. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư. Đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng và đoàn thể trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước. Thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự

nghiệp công lập; cơ bản thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, khu dân cư hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, phẩm chất năng lực, uy tín dám nghĩ, biết làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ khoa học công nghệ trong đội ngũ cán bộ các cấp. Đổi mới toàn diện công tác đánh giá cán bộ thông qua sản phẩm cụ thể. Triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng đội ngũ cán bộ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035. Tiếp tục nghiên cứu, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố, khu dân cư cho phù hợp. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng linh hoạt, thực chất, gắn với yêu cầu nhiệm vụ và chuyển đổi số; kết hợp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài.

Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ. Triển khai hiệu quả chính sách thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo hiệu quả công việc và chính sách thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao theo Nghị quyết 226/2025/QH15.

#### *1.1.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng*

Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ; chuyển trọng tâm sang công tác phòng, ngừa, cảnh báo vi phạm; thực hiện đúng phương châm “Chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả”. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của ngành kiểm tra Đảng. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

Tập trung kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; quy định những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí dễ xảy ra vi phạm, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực...; kịp thời kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi

phạm; có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ; xem xét, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm kỷ luật; quan tâm giải quyết kịp thời, đúng quy định đơn thư khiếu nại, tố cáo. Kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp đủ số lượng và nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

#### *1.1.5. Đẩy mạnh công tác nội chính, cải cách tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*

Chủ động nắm chắc, dự báo sớm tình hình, kịp thời xử lý hiệu quả các vụ việc phức tạp, nổi cộm ngay từ cơ sở. Tăng cường các giải pháp phòng ngừa, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực từ sớm, từ xa; thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kiên trì xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân; có chế độ đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để không dám, không muốn và không cần tham nhũng, tiêu cực. Phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Tập trung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác bổ trợ, hành chính tư pháp, phát triển đội ngũ luật sư, công chứng viên, trợ giúp viên pháp lý, thừa phát lại, giám định viên tư pháp và các chức danh bổ trợ tư pháp có trình độ cao, chuyên nghiệp, đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cán bộ và Nhân dân.. Phân đấu đến năm 2030, có 97% cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Triển khai hiệu quả mô hình “Thành phố thượng tôn và tuân thủ pháp luật”.

#### *1.1.6. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Thành ủy và các cấp ủy đảng*

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng với hệ thống chính trị. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của các cấp ủy, quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, khắc phục tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo. Đổi mới việc ban hành nghị quyết theo hướng ngắn gọn, rõ mục tiêu, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ giám sát và dễ thực hiện.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số toàn diện; xác định chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng là nhiệm vụ đi đầu, làm gương. Xây dựng các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phân tích và dự báo dựa trên dữ liệu lớn. Triển khai hệ thống xử lý văn bản điện tử, chữ ký số trong các cấp ủy trực thuộc Thành ủy; phần mềm tổng hợp thông tin, báo cáo trong toàn hệ thống chính trị. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ liên thông toàn Đảng bộ, đồng bộ với các phần mềm đánh giá, quản lý cán bộ.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; phát huy tính gương mẫu, trách nhiệm của người đứng đầu. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công rõ ràng, tăng cường nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề từ cơ sở. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy tham mưu, giúp việc của Thành ủy theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại.

### ***1.2. Xây dựng hệ thống chính quyền liêm chính, lấy mục tiêu phục vụ Nhân dân làm cốt lõi***

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Kiện toàn, tinh gọn bộ máy chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

### ***1.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân***

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của Nhân dân, mở rộng thực hành dân chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Có cơ chế hữu hiệu để Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hoá các hình thức vận động Nhân dân, thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn, các phong trào thi đua yêu nước... Xây dựng và triển khai thực hiện Bộ tiêu chí “Thành phố văn minh; xã phường hạnh phúc”.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ tiếp tục làm tốt vai trò tập hợp các giai cấp, tầng lớp trong xã hội; đặc biệt quan tâm đến các nhóm người yếu thế, các đối tượng chưa là đoàn viên, hội viên của các tổ chức; giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích; bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các giai cấp, tầng lớp và mỗi người dân trong tiếp cận cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển. Triển khai Chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TU, ngày 26/6/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận các cấp thành phố giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội theo hướng từ sớm, từ cơ sở; tập trung vào những chủ trương lớn, những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, dư luận xã hội quan tâm, bức xúc. Xây dựng cơ chế thu hút sự tham gia các nhà khoa học, chuyên gia giỏi, vai trò của Hội đồng tư vấn vào hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

## **2. Phát triển kinh tế**

***2.1. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, bền vững; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu***

***2.1.1. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, bền vững***

- *Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, giá trị gia tăng cao và thân thiện môi trường.* Tái cấu trúc ngành công nghiệp gắn với mục tiêu hiện đại hóa, thông minh hóa và xanh hóa. Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp mũi nhọn, đặc biệt là các ngành phục vụ chuỗi giá trị toàn cầu và các ngành có lợi thế chiến lược của thành phố, như công nghệ bán dẫn, AI, robot, năng lượng tái tạo, vật liệu mới... Có chính sách hỗ trợ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp nội địa tham gia cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho doanh nghiệp FDI. Khôi phục và phát triển có chọn lọc các ngành công nghiệp - dịch vụ từng là thế mạnh của thành phố Hải Phòng như: cơ khí chế tạo, đóng tàu, vận tải biển, dịch vụ cảng biển, logistics và du lịch biển; gắn với ứng dụng công nghệ hiện đại, tiêu chuẩn môi trường và khả năng cạnh tranh quốc tế.

Có chính sách khuyến khích chuyển đổi hoặc xây dựng khu công nghiệp sinh thái; thực hiện mô hình cụm công nghiệp xanh, công nghệ hiện đại và thân thiện môi trường, đồng thời phục hồi ngành truyền thống theo hướng đổi mới sáng tạo, gắn với

mô hình đô thị - công nghiệp - dịch vụ phát triển hài hòa, bền vững. Triển khai thành lập các khu, cụm công nghiệp trong Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng và Khu kinh tế chuyên biệt theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, công nghệ cao đúng tiến độ. Gắn phát triển hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với yêu cầu phát triển bền vững, thông minh và phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường - xã hội - quản trị (ESG). Chủ động dành quỹ đất quy hoạch tại các vị trí chiến lược, có hạ tầng đồng bộ để thu hút đầu tư các ngành công nghiệp tương lai. Quy định nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp xây dựng đồng bộ khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân để bảo đảm điều kiện an cư, ổn định lao động.

*- Phát triển năng lượng sạch, từng bước trở thành trung tâm năng lượng sạch hàng đầu cả nước.* Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường thu hút các tập đoàn năng lượng lớn đầu tư vào Hải Phòng, phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo như: điện gió ngoài khơi, điện mặt trời... Tập trung triển khai Dự án đầu tư Nhà máy nhiệt điện LNG Hải Phòng (phấn đấu khởi công năm 2025 và hoàn thành trước năm 2030), bảo đảm an ninh năng lượng và tạo nền tảng cho phát triển công nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

*- Thành lập Khu thương mại tự do thế hệ mới trong năm 2025; hướng tới xây dựng trung tâm thương mại - dịch vụ - logistics quốc tế, đầu tàu đổi mới sáng tạo, trung tâm trung chuyển hàng hóa quốc tế*

Tập trung triển khai có hiệu quả việc xây dựng Khu thương mại tự do thế hệ mới tại Hải Phòng theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội. Hình thành một không gian thể chế đặc biệt, có tính đột phá, tích hợp khu phi thuế quan, khu công nghiệp công nghệ cao, trung tâm logistics, trung tâm thương mại - dịch vụ, tài chính - ngân hàng, nghiên cứu và phát triển (R&D). Thực hiện thí điểm cơ chế quản lý, chính sách ưu đãi vượt trội về đất đai, thuế, hải quan, đầu tư, tài chính, lao động, ngoại hối, xuất nhập khẩu; đơn giản hóa thủ tục, nâng cao năng lực quản trị nhà nước, tạo môi trường thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư chiến lược toàn cầu.

Ưu tiên triển khai Khu thương mại tự do tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng trong các khu kinh tế. Huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, đẩy mạnh hợp tác công - tư để phát triển hạ tầng hiện đại, đồng bộ; ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu thương mại tự do thế hệ mới, thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn nằm trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất toàn cầu (Fortune 500) và các tập đoàn tư nhân lớn trong nước.

*- Phát triển dịch vụ logistics, thương mại và cảng biển hiện đại*

Phát huy các cơ chế đặc thù của Nghị quyết 226/2025/QH15 để đẩy nhanh phát triển các Trung tâm logistics (*quy mô trên 50ha*) hoặc dịch vụ logistics (*quy mô đến 50ha*) phục vụ cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa. Phát triển dịch vụ logistics hiện đại gắn với cảng biển, sân bay, đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa; hình thành không gian dịch vụ logistics mới gắn với triển khai các dự án trọng điểm như: Đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, cảng Nam Đồ Sơn (*khởi công trong năm 2026*), Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện (*phần đầu hoàn thành các bến 7, 8, 9, 10, 11, 12 trước năm 2030*), Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, Dự án tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (*thông xe trong năm 2027*) và Cảng hàng không quốc tế tại khu vực Tiên Lãng; quan tâm phát triển các cảng sông, nhất là khu vực phía Tây Hải Phòng để hàng hóa có thể đi sâu vào nội địa, giảm áp lực giao thông và chi phí vận tải.

Chủ động nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút các hãng tàu lớn trên thế giới, tăng tần suất tuyến tàu container trực tiếp đi châu Âu, châu Mỹ. Mở rộng kết nối quốc tế và hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu; tăng cường hợp tác với các cảng biển lớn trong khu vực Đông Bắc Á và ASEAN, kết nối các chuỗi cung ứng, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. Ưu tiên nguồn lực xây dựng và triển khai Nền tảng cảng biển số (Digital Port Platform). Phần đầu đưa Hải Phòng trở thành hình mẫu về cảng xanh, cảng thông minh tại Việt Nam và khu vực.

Khuyến khích thu hút đầu tư các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp, tổng hợp mang tầm khu vực Đông Nam Á. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân đạt 14% - 15%/năm giai đoạn 2026 - 2030. Phát triển mạnh thương mại điện tử, đến năm 2030 trên 80% dân số có tài khoản thanh toán điện tử. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu hàng hóa trong nước và quốc tế. Nâng cao chỉ số FTA Index hằng năm nằm trong top 3 cả nước.

Phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao, gắn đào tạo nghề với nhu cầu doanh nghiệp, hình thành mạng lưới chuyên gia, doanh nghiệp đồng hành. Ưu tiên triển khai các chương trình đào tạo nghề logistics; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực logistics và công nghệ số, từng bước xây dựng thương hiệu nhân lực logistics Hải Phòng.

*- Phát triển du lịch biển, di sản và văn hóa gắn với hội nhập quốc tế*

Tập trung khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch biển đảo và di sản văn hóa đặc sắc, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Xây dựng Cát Bà thành “đảo xanh”, điểm đến sinh thái - nghỉ dưỡng đẳng cấp, Đồ Sơn thành trung tâm du lịch đa chức năng, Côn Sơn - Kiếp Bạc thành trung tâm du lịch văn hóa, tâm linh quốc tế. Xây dựng các tuyến du lịch, cải thiện hạ tầng giao thông để kết nối Cát Bà - Đồ Sơn - Côn Sơn - Kiếp Bạc thành chuỗi không gian du lịch biển - đảo - di sản tâm linh, gắn với giá trị lịch sử, văn hóa, bản sắc vùng duyên hải Bắc Bộ. Chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích mở thêm các đường bay kết nối trực tiếp Hải Phòng với các trung tâm kinh tế, du lịch lớn trong nước và châu Á; phát triển du lịch trở thành động lực lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của thành phố.

*- Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hiệu quả, bền vững*

Ban hành và triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy về nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quy hoạch, tái cấu trúc lại sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết vùng, chuyên canh theo lợi thế. Phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể để bảo tồn, phát triển và nâng tầm thương hiệu các cây trồng đặc sản trên địa bàn thành phố, nâng cao chất lượng, giá trị các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” OCOP, duy trì, nâng cao chất lượng, giá trị và phát triển sản phẩm OCOP; đẩy mạnh hiện đại hóa các lĩnh vực thủy sản. Phấn đấu đạt 230 triệu đồng giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản vào năm 2030.

Nghiên cứu, ban hành và triển khai các chính sách đủ mạnh để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, chế biến sâu và logistics nông sản; hỗ trợ hình thành các hợp tác xã kiểu mới, các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, chế biến sâu đến thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế; hỗ trợ thúc đẩy mô hình nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

*2.1.2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập, tinh thần tự cường và khả năng cạnh tranh quốc tế*

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; 100% cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Chỉ số hài lòng với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt tối thiểu 90%; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Số hóa toàn bộ dữ liệu đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư, kinh doanh; triển khai “luồng xanh” thủ tục hành chính đối với một số thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai. Định kỳ, thường xuyên đối thoại, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp.

- Phát triển đa dạng, toàn diện các thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế thành phố. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Phân đấu đến năm 2030 có trên 87.000 doanh nghiệp tư nhân, trong đó ít nhất 3 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; khu vực kinh tế tư nhân đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 14,5% - 15%/năm đóng góp khoảng 43% - 45% GRDP và 55% - 57% thu ngân sách nội địa (trừ tiền sử dụng đất). Tăng tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số lên trên 60%; 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ phần mềm kế toán, tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị cơ bản. Khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân thành phố đầu tư các dự án chiến lược; mở rộng chuỗi liên kết vệ tinh quanh doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn nội địa.

- Tổ chức lại hệ thống các hội, hiệp hội doanh nghiệp thành phố theo hướng tinh - gọn - mạnh; tạo nền tảng kết nối hiệu quả giữa chính quyền, doanh nghiệp và các chủ thể đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành đội ngũ doanh nhân bản lĩnh, kiến tạo, có trách nhiệm xã hội và khát vọng cống hiến cho sự phát triển thành phố.

### *2.1.3. Tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực*

- Cơ cấu lại thu - chi ngân sách, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước. Giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, phân đấu đến năm 2030 chi đầu tư phát triển chiếm 60% chi ngân sách thành phố. Phân bổ ngân sách có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các dự án hạ tầng then chốt, lan tỏa, tạo động lực thu hút đầu tư ngoài ngân sách; cơ cấu lại đầu tư công, bảo đảm không dàn trải, manh mún, tập trung các dự án lớn, tạo động lực phát triển. Giao nhiệm vụ thu ngân sách và tỷ lệ điều tiết hợp lý cho các xã, phường, đặc khu.

- Triển khai toàn diện các cơ chế đặc thù theo Nghị quyết 226/2025/QH15, nhất là về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước để huy động mọi nguồn lực hợp pháp phát

triển thành phố; rà soát, khai thác hiệu quả các nguồn thu mới từ đất đai, nhà công sản, tài nguyên khoáng sản; chống thất thu thuế, chuyển giá, gian lận thương mại.

- Khẩn trương lập phương án xử lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dôi dư, không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố *(hoàn thành trong quý I năm 2026)*.

- Khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, trong đó chú trọng thu hút FDI có chọn lọc, vốn tư nhân trong và ngoài nước vào các dự án hạ tầng, đô thị, nhà ở xã hội, du lịch, khu công nghiệp, kinh tế. Tập trung cho công tác xúc tiến đầu tư, phấn đấu thu hút bình quân 5-6 tỷ USD mỗi năm, trong đó vốn FDI chiếm khoảng 4-5 tỷ USD và DDI khoảng 0,5-1 tỷ USD.

## **2.2. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị, nông thôn**

- Khẩn trương tổ chức lập, điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(hoàn thành trong năm 2025)* và Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính thống nhất, liên thông. Tổ chức lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn theo điều chỉnh Quy hoạch chung. Ưu tiên quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, không gian ngầm, không gian mở ven sông, ven biển; phát triển mạng lưới đô thị vệ tinh, giảm tải cho đô thị lõi.

- Xây dựng mô hình đô thị hiện đại, thông minh, giàu bản sắc; thúc đẩy quá trình đô thị hóa bền vững, cân đối giữa đô thị và nông thôn, giữa các vùng phát triển, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí quan trọng của đô thị đặc biệt. Tận dụng lợi thế hạ tầng đường sắt do Trung ương đầu tư để quy hoạch hệ thống vận tải đa phương thức, liên thông giữa giao thông vận tải hàng hóa và giao thông đô thị; nghiên cứu, quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt đô thị để giành quỹ đất dự trữ, sẵn sàng đầu tư trong tương lai theo mô hình TOD; quy hoạch lấn biển tạo không gian phát triển mới; quy hoạch các vị trí phù hợp để Hải Phòng trở thành trung tâm năng lượng.

- Tập trung chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị hiện hữu; di dời cơ sở sản xuất và nhà lán chiếm mặt sông, không phù hợp quy hoạch để đầu tư các công trình dịch vụ công cộng, thương mại, cây xanh, giải trí; bảo tồn, tôn tạo các công trình kiến trúc, văn hóa, lịch sử có giá trị; nghiên cứu hình thành mô hình “đô thị di sản” tại các khu vực phù hợp.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu đối với các đô thị nhằm đảm bảo các công năng, tiện ích, cảnh quan và vệ sinh môi trường; mở rộng diện tích cây xanh, phát triển bãi đỗ xe công cộng, phát triển giao thông công cộng, sử dụng phương tiện, nhiên liệu thân thiện với môi trường. Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp thoát nước và phòng chống ngập úng đô thị; cải tạo, nâng công suất, chất lượng các nhà máy cấp nước hiện có và xây dựng mới các nhà máy cấp nước mới.

- Phát triển các dự án nhà ở theo quy hoạch, có hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tỷ trọng nhà cao tầng phù hợp với mô hình đô thị văn minh; phát triển nhà ở đi đôi với sử dụng hiệu quả và tiết kiệm đất đai. Đẩy mạnh chương trình phát triển nhà ở xã hội cho các đối tượng thu nhập thấp, sinh viên và công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, lực lượng vũ trang. Di dời cư dân ở nhà chung cư đã xuống cấp để tái thiết, chỉnh trang đô thị. Triển khai hiệu quả mô hình Nhà ở xã hội chủ nghĩa tại Hải Phòng: *công bằng, nhân văn, đoàn kết*. Phân đầu diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 36,5 m<sup>2</sup> sàn/người vào năm 2030.

- Tiếp tục thực hiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch. Thực hiện tốt việc lồng ghép từ các chương trình, dự án các ngành, các lĩnh vực, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Tăng cường công tác quản lý đầu tư công trong xây dựng nông thôn mới. Gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ. Nâng cấp, cải tạo hệ thống nước sạch nông thôn

### ***2.3. Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với đẩy mạnh liên kết vùng***

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế theo mô hình vận tải đa phương thức. Từng bước nghiên cứu để thực hiện tuyến đường sắt đô thị gắn với đường sắt quốc gia. Đầu tư phát triển hệ thống giao thông công cộng thông minh, hiện đại, thân thiện môi trường. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tuyến đường kết nối các địa phương với tuyến đường bộ ven biển; một số tuyến đường, nút giao khu vực cảng biển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh theo quy hoạch; xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường vành đai 2, vành đai 3 thành phố Hải Phòng (cũ), các tuyến đường kết nối giữa Hải Phòng (cũ) và Hải Dương (cũ).

- Đầu tư xây dựng các trục giao thông đường bộ là động lực phát triển kinh tế xã hội bảo đảm phát triển đồng đều, hài hòa các khu vực của thành phố; trọng tâm

là: (i) Khẩn trương triển khai Dự án tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09km trên địa bàn tỉnh Hưng Yên để thúc đẩy phát triển Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng; (ii) Nghiên cứu xây dựng tuyến đường kết nối giữa sân bay Gia Bình và cảng Lạch Huyện. Phấn đấu đến năm 2030 thành lập Khu kinh tế phía Bắc Hải Phòng trên cơ sở khai thác đồng bộ, cộng hưởng lợi thế chiến lược của Sân bay Gia Bình, cảng Lạch Huyện, tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh và các tuyến đường bộ kết nối. Hình thành một cực tăng trưởng mới, một trung tâm logistics đa phương thức hiện đại, thu hút các dự án chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao góp phần cân bằng không gian phát triển của thành phố.

- Tiếp tục triển khai thực hiện, nghiên cứu, đề xuất đầu tư các công trình giao thông kết nối liên tỉnh theo quy hoạch đã được phê duyệt. Phối hợp với các địa phương trong khu vực thúc đẩy phát triển hoạt động vận tải xuyên biên giới Việt - Trung; phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng kết nối các địa phương lân cận nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu kinh tế - xã hội của người dân.

- Đầu tư nâng cấp và xây mới hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển. Phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng hoàn thành các bến của Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Xây dựng các bến khởi động cảng biển Nam Đồ Sơn và phát triển cảng khu vực sông Văn Úc.

- Chủ động phối hợp với Hà Nội, Quảng Ninh và các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ nhằm thúc đẩy liên kết vùng hiệu quả trên các lĩnh vực quy hoạch, giao thông, du lịch, dịch vụ logistics.... Phát huy vai trò cực tăng trưởng của thành phố trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; khai thác tốt các hành lang, vành đai kinh tế nối với Thủ đô và hành lang kinh tế ven biển.

- Cải tạo các tuyến hành lang đường thủy nội địa kết nối Hải Phòng - Quảng Ninh với Hà Nội, Phú Thọ, Hưng Yên, Ninh Bình để nâng cao năng lực các tuyến vận tải hàng hóa đường thủy, đặc biệt là hàng container. Nâng cấp hệ thống cảng thủy nội địa trên hệ thống sông Đá Bạc, Sông Cấm, sông Kinh Môn, sông Văn Úc, sông Lạch Tray, sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Mạo Khê, Sông Hàn, Sông Luộc, Sông Hồng. Phát triển các tuyến đường thủy ven biển, nối liền khu du lịch Đồ Sơn với quần đảo Cát Bà, vịnh Hạ Long; nối liền các cửa sông lớn của thành phố và các tỉnh lân cận, kết nối với khu vực cảng biển để tận dụng ưu thế của vận tải sông pha biển.

- Cải tạo để nâng tốc độ và khả năng khai thác hiệu quả tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Tập trung các nguồn lực để đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà

Nội - Hải Phòng kết nối cảng biển Hải Phòng; phối hợp triển khai dự án đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; cải tạo đường sắt Kép - Hạ Long nằm trên hành lang phát triển các khu công nghiệp để phát huy lợi thế tuyến đường sắt kết nối các tỉnh, thành phố trên hành lang kinh tế Việt - Trung.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng Nhà ga hành khách số 2, Nhà ga hàng hóa và mở rộng sân đỗ máy bay Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; tiếp tục nâng cấp Cảng hàng không phù hợp với nhu cầu vận chuyển và tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành nghiên cứu, lập quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng tại Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, làm cơ sở để sớm nghiên cứu đầu tư xây dựng.

#### ***2.4. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu***

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi xanh thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2050, đưa Hải Phòng đi đầu về phát triển xanh và bền vững, là hình mẫu chuyển đổi xanh của cả nước.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất thành phố giai đoạn 2026 - 2030. Kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai, sử dụng đất không đúng mục đích. Tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng đất; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đẩy mạnh số hóa, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ; ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường, nhất là quản lý đất đai, kiểm soát chất thải, nguồn thải. Phân bổ, xây dựng cơ cấu sử dụng đất hợp lý, hạn chế mất cân đối giữa đất ở và đất xây dựng cơ sở hạ tầng. Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản; kiên quyết thu hồi giấy phép khai thác, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra xa khu dân cư hoặc loại bỏ các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn; khẩn trương đầu tư nhà máy xử lý rác bằng công nghệ hiện đại. Ưu tiên xã hội hóa, huy động các nguồn tài chính từ các thành phần kinh tế, nhất là đầu tư theo hình thức tư nhân, đối tác công tư để thu hút nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường.

- Hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch, chuyển sang năng lượng xanh và năng lượng tái tạo, đẩy mạnh thu hút đầu tư điện rác, điện gió; thực hành chính sách

tiết kiệm năng lượng; chủ động tham gia thị trường các-bon trong nước và quốc tế; xây dựng Kế hoạch giảm phát thải các-bon thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Quản lý và bảo vệ chặt chẽ nguồn nước ngọt, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa biển; chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học bảo tồn các khu vực rừng nguyên sinh, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. Tiên phong trong giảm thiểu rác thải nhựa đại dương. Bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái ven biển; chuẩn bị các phương án, kế hoạch phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, môi trường.

## ***2.5. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số***

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội, xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, là giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu để cơ cấu lại nền kinh tế, hình thành mô hình tăng trưởng mới.” Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ biển, đồng thời là trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và kết nối quốc tế. Hoàn thiện thể chế, tạo hành lang pháp lý vượt trội cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tạo bước đột phá trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực số, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ sạch, công nghệ cao trong các ngành kinh tế chủ lực như công nghiệp, nông nghiệp, y dược biển, giáo dục và dịch vụ logistics. Ưu tiên, hỗ trợ đầu tư phát triển các công nghệ mũi nhọn như: trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường và năng lượng tái tạo. Ưu tiên dành quỹ đất theo quy định để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn diện, hình thành chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo hoàn chỉnh, từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu và phát triển (R&D), ươm tạo sản phẩm, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, đến sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa và tái đầu tư R&D. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Đến năm 2030 có 150 doanh nghiệp khoa học công nghệ; số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố đạt 450 doanh nghiệp; số lượng sáng chế, giải pháp

hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu phần đầu gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2020 - 2025. Phần đầu chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) hàng năm của thành phố trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu; hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhóm 3 địa phương dẫn đầu.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đặt trung tâm R&D tại Hải Phòng. Ưu đãi về thuế đối với các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo

- Xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo hiện đại, tích hợp không gian nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo và sản xuất công nghệ cao, công nghệ xanh. Triển khai sâu rộng và hiệu quả mô hình “Thành phố đổi mới sáng tạo”. Thí điểm cơ chế sandbox, cho phép thử nghiệm có kiểm soát công nghệ mới theo quy định.

- Xây dựng chính quyền số năng động, kiến tạo, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tập trung đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu hiện đại, đạt chuẩn quốc tế và nghiên cứu xây dựng trung tâm tính toán hiệu năng cao. “Hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và vận hành hiệu quả hệ thống dùng chung của thành phố”.

- Tập trung phát triển kinh tế số về biển. Triển khai xây dựng và làm chủ hệ sinh thái cảng biển số hiện đại, ứng dụng AI và IoT để tự động hóa hoạt động tại cảng, hình thành các cảng thông minh, liên thông hoạt động cảng biển - khu công nghiệp - hải quan - doanh nghiệp. Phát triển các trung tâm logistics ứng dụng công nghệ số và tự động hóa, hình thành các sàn giao dịch logistics để tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch số để khai thác hiệu quả giá trị di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà và di sản văn hóa thế giới quần thể Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc.

- Phát triển xã hội số toàn diện, rút ngắn khoảng cách số. Đầu tư hạ tầng mạng di động 5G, mạng băng thông rộng cáp quang phủ tới các khu kinh tế, cảng biển, các khu đô thị, trung tâm tại các xã, phường, đặc khu; ưu tiên phủ sóng 100% các khu công nghiệp, 60% cụm công nghiệp trong năm 2025, tiến tới phủ sóng toàn bộ thành phố vào năm 2028. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng số trong y tế, giáo dục, giao thông... Triển khai các chương trình nâng cao kỹ năng số, hình thành công dân số. Bảo đảm an toàn an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu

### **3. Phát triển văn hóa, xã hội và con người**

#### ***3.1. Phát triển văn hóa, xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện và có giá trị bản sắc riêng***

- Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch của vùng đồng bằng Sông Hồng. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Đẩy mạnh công tác lập hồ sơ xếp hạng di tích, phần đầu có thêm từ 05 - 07 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; 25 - 30 di tích xếp hạng cấp thành phố; xây dựng 02 hiện vật, nhóm hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia; 02 - 03 hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Tiếp tục quan tâm thúc đẩy các nhiệm vụ, xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO vinh danh Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm; Đại danh y - Thiên sư Tuệ Tĩnh.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thành phố đến cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại. Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tiêu biểu có quy mô, giá trị nghệ thuật cao làm điểm nhấn tại thành phố đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô quốc gia, quốc tế.

- Xây dựng văn học, nghệ thuật mang bản sắc Hải Phòng, khơi dậy và phát huy mạnh mẽ khát vọng cống hiến, năng lực sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ thành phố, tăng cường đào tạo nghệ thuật truyền thống. Có cơ chế đột phá để phát hiện, thu hút, đào tạo, trọng dụng, khuyến khích tài năng lĩnh vực văn hóa.

- Xây dựng môi trường văn hoá, đời sống, lối sống văn hoá lành mạnh, văn minh gắn với phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Phát triển toàn diện con người Hải Phòng về đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp và có giá trị bản sắc riêng. Xây dựng nền báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Thực hiện tốt công tác gia đình, xây dựng gia đình trên địa bàn thành phố no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa, phát triển doanh nghiệp thành phố hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, đóng góp vào ngân sách thành phố; xây dựng Hải Phòng trở thành “*Thành phố âm nhạc*”.

- Tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các hoạt động thể dục, thể thao. Tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học, đẩy mạnh phát triển thể dục thể thao quần chúng. Phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp trên cơ sở phát huy thế mạnh của thành phố và từ phong trào cơ sở; chú trọng các môn thể thao Olympic.

- Xây dựng và triển khai Đề án truyền thông thành phố Hải Phòng nhằm định vị mới về Hải Phòng.

### ***3.2. Ưu tiên nguồn lực cho phát triển y tế, giáo dục và đào tạo chất lượng cao***

#### ***3.2.1. Giáo dục và đào tạo***

- Phân đầu xây dựng Hải Phòng trở thành là trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển. Nghiên cứu triển khai các tiêu chí “Thành phố học tập toàn cầu” nhằm từng bước đưa Hải Phòng trở thành thành viên của Mạng lưới Thành phố học tập do UNESCO công nhận. Đến năm 2030, hoàn thành giai đoạn 1 mô hình “Trường học Xã hội chủ nghĩa” và triển khai nhân rộng giai đoạn 2.

- Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng hiện đại, công bằng, chất lượng cao; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tập trung quy hoạch, đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở giáo dục theo hướng hiện đại, đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng giáo dục công lập, khuyến khích phát triển các mô hình giáo dục chất lượng cao, trường học thông minh, trường liên cấp tiên tiến. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên trên 90% vào năm 2030; có ít nhất 03 trường liên cấp đạt chuẩn quốc tế. Tăng cường chuyển đổi số, đến năm 2030, 100% trường phổ thông ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn và IoT trong quản lý, dạy học, kiểm tra - đánh giá; phổ cập tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai để hội nhập và đưa ngôn ngữ số vào chương trình đào tạo tại các trường phổ thông.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo hướng mở, linh hoạt, chất lượng cao, gắn với nhu cầu thị trường lao động và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của thành phố; củng cố, nâng cao chất lượng các trường đại học trên địa bàn thành phố. Phân đầu đến năm 2030, số sinh viên đại học trên mỗi vạn dân đạt tối thiểu 260; tối thiểu 70% sinh viên có việc làm phù hợp chuyên môn trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp. Sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, tăng quy mô đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực có thế mạnh như logistics, công nghiệp chế biến - chế tạo, kinh tế biển, y tế và công nghệ thông tin. Thu hút các cơ sở giáo dục đại học quốc tế uy tín mở phân hiệu tại thành phố. Đến năm 2030 có ít

nhất 01 trường đại học trọng điểm quốc gia gắn với cơ sở nghiên cứu - ứng dụng phục vụ trực tiếp các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn nghề nghiệp và từng bước tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới toàn diện cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ nhà giáo; trọng dụng nhân tài, nâng cao vị thế và thu nhập của đội ngũ làm công tác giáo dục.

### *3.2.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe*

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Xây dựng, phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm y tế của vùng duyên hải Bắc Bộ. Tập trung triển khai hoàn thành Đề án nâng cao năng lực hệ thống y tế công lập thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh chuyên đổi số trong y tế, tập trung xây dựng và hoàn thiện nền tảng y tế thông minh với ba trụ cột chính: phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh. Phát triển các ứng dụng tư vấn sức khỏe trực tuyến.

- Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển y tế. Phát triển mạnh hệ thống các bệnh viện ở tất cả các tuyến. Phát triển một số lĩnh vực y tế chuyên sâu, mũi nhọn, kỹ thuật cao, đặc biệt là phân đấu đi đầu cả nước về y học biển. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, quân y với dân y; khuyến khích đầu tư phát triển các bệnh viện ngoài công lập.

- Củng cố và phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở. Tổ chức Mô hình trạm y tế theo hướng chăm sóc sức khỏe toàn diện, liên tục, lồng ghép dịch vụ dự phòng - điều trị - phục hồi chức năng. Tổ chức quản lý, theo dõi người dân khám chữa bệnh tại trạm Y tế. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình; phân đấu đạt 19 bác sĩ/vạn dân; 43 giường bệnh/vạn dân; 100% trạm y tế cấp xã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ; đến năm 2027 có ít nhất từ 4-5 bác sĩ làm việc thường xuyên.

- Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, bảo đảm an ninh y tế, ứng phó với các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Đa dạng hoá các hình thức và dịch vụ

chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống thực phẩm giả, ngộ độc thực phẩm. Triển khai tốt mô hình Thành phố chăm sóc sức khỏe toàn dân, toàn diện; kêu gọi đầu tư các Trung tâm dưỡng lão, chăm sóc người khuyết tật, thành phần đặc biệt khó khăn... Tập trung nâng cao chất lượng dân số, chuyển trọng tâm dân số kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Thúc đẩy tăng trưởng dân số cả về tự nhiên và cơ học.

### **3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 31/12/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy và Đề án về thu hút, trọng dụng nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng và triển khai Đề án tổng thể về phát triển hệ sinh thái đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ chiến lược của thành phố đến năm 2030, tập trung vào các lĩnh vực: công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, tự động hóa và logistics thông minh.

- Phát huy vai trò trung tâm phát triển nhân lực vùng, tập trung hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với các ngành mũi nhọn như công nghiệp công nghệ cao, logistics, y tế chuyên sâu, kinh tế biển; tạo mạng lưới liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng để nâng cao hiệu quả cung - cầu nhân lực.

- Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động; đổi mới nội dung và phương thức giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

### **3.4. Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bình đẳng giới, an sinh xã hội**

- Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện chủ trương “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế”. Thực hiện tốt hơn các chế độ, chính sách của thành phố đối với người có công, đối tượng chính sách; quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ở khu vực còn nhiều khó khăn.

- Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm, đi đôi với nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; cải thiện môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; từng bước tiến tới “Việc làm xanh”.

- Hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi. Đến năm 2030 đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động; ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa các tệ nạn xã hội. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030).

#### **4. Tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

##### ***4.1. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc***

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc cả về tiềm lực và thể trận, bảo vệ chủ quyền biển đảo, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ “vững mạnh, rộng khắp; điều chỉnh, sắp xếp 100% lực lượng dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật theo các nhiệm vụ tác chiến phòng thủ thành phố theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; hoàn thành đầu tư xây dựng 60% - 70% các công trình phòng thủ tại các xã, phường, đặc khu.

- Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, bảo đảm nắm và kiểm soát tốt tình hình, chủ động đấu tranh vô hiệu hóa mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo, an ninh mạng, an toàn thông tin, an ninh cơ sở, an ninh công nhân, an ninh trên địa bàn cảng, biển trong mọi tình huống, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, không để hình thành các băng, ổ, nhóm tội phạm có tổ chức, tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố không ma túy. Phân đấu đến năm 2030, xây dựng thành công 60% xã, phường trở thành địa bàn không có ma túy. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, giữ gìn kỷ cương, trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Quan tâm đầu tư xây

dựng các công trình có tính lưỡng dụng, triển khai xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, công trình chiến đấu, công trình phòng thủ theo đúng quy định. Xây dựng đặc khu Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm kinh tế - quốc phòng khu vực vịnh Bắc Bộ; đề xuất Trung ương cho phép lấn biển, mở rộng đảo, kết hợp xây dựng sân bay lưỡng dụng để rút ngắn thời gian di chuyển với đất liền đồng thời thúc đẩy phát triển du lịch và kết nối vùng theo trục Trung tâm thành phố - Cát Hải - Bạch Long Vĩ - Đảo Hải Nam, Trung Quốc. Tập trung xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

#### ***4.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện***

- Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 25/8/2025 của Ban Thường vụ Thành uỷ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện trên các lĩnh vực; xây dựng Hải Phòng trở thành “Thành phố kết nối toàn cầu”, trung tâm tổ chức các sự kiện quốc tế; nâng cao hiệu quả ký kết và triển khai các thỏa thuận hợp tác quốc tế.

- Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, ngoại giao số. Tăng cường, mở rộng hợp tác với các thị trường tiềm năng, còn nhiều dư địa. Thu hút có chọn lọc các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên. Tập trung thu hút nguồn vốn ODA vào các dự án có quy mô lớn về phát triển kinh tế - xã hội, các dự án kết nối hạ tầng có tính chất liên vùng, có tác động lan tỏa, hạ tầng y tế, các dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu dự báo chiến lược về xu thế và biến động quốc tế. Xây dựng năng lực hội nhập quốc tế nội sinh cho các cấp, các ngành. Triển khai phong phú các hoạt động ngoại giao văn hóa, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch thành phố, phát huy những tiềm năng, thế mạnh, các sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc biệt là các di sản thế giới vịnh Hạ Long - quần đảo Cát Bà, Côn Sơn - Kiếp Bạc.

- Đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân; đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ với các thành phố kết nghĩa, đối tác truyền thống; đổi mới, tăng cường thu hút các nguồn lực kiều hối, trí thức kiều bào, viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Với phương châm **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”** Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, quân và Nhân dân thành phố tiếp tục phát huy truyền thống **“Thành phố Anh hùng”** và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nỗ lực phấn đấu vượt mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030, đưa Hải Phòng trở thành thành phố Cảng hiện đại, văn minh, đi đầu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành thành phố tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; góp phần tích cực cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư "để báo cáo",
- Các ban Trung ương Đảng "để báo cáo",
- Các đại biểu dự Đại hội Đảng bộ thành phố,
- Lưu Hồ sơ Đại hội Đảng bộ thành phố,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH**  
**BÍ THƯ**  
  
**Lê Tiến Châu**

**PHỤ LỤC 1:**  
**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 của**  
**thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương**

-----

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Đại hội XVI Đảng bộ thành phố Hải Phòng**

**1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội**

| TT       | Nội dung                                                 | Đơn vị    | Mục tiêu giai đoạn 2021-2025 |                 | Thực hiện |                 | So với mục tiêu Đại hội |
|----------|----------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|-----------------|-----------|-----------------|-------------------------|
|          |                                                          |           | Đến 2025                     | Bình quân 5 năm | Ước 2025  | Bình quân 5 năm |                         |
| <b>A</b> | <b>Chỉ tiêu kinh tế</b>                                  |           |                              |                 |           |                 |                         |
| 1        | Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh 2010) <sup>78</sup> | %         |                              | 14,5%/năm       |           | 11,39           | Không đạt               |
|          | - Công nghiệp và xây dựng                                | %         |                              | 19,2%/năm       |           | 14,59           |                         |
|          | - Dịch vụ                                                | %         |                              | 8,8%/năm        |           | 8,43            |                         |
|          | - Nông, lâm nghiệp và thủy sản                           | %         |                              | 1,1%/năm        |           | 0,25            |                         |
|          | - Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm                     | %         |                              | 8,3%/năm        |           | 6,82            |                         |
| -        | Tỷ trọng trong GDP cả nước                               | %         | 6,4                          |                 |           |                 |                         |
| -        | Tỷ trọng trong GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ        | %         | 23,7                         |                 |           |                 |                         |
| 2        | GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành)            | USD/người | 11.800                       |                 | 9.486     |                 | Không đạt               |
| 3        | Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)                        | %         |                              | 21,5%/năm       |           | 15,62%/năm      | Không đạt               |
| -        | Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP        | %         | 41-43                        |                 | 46,40     |                 |                         |

<sup>78</sup> Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt bình quân 11,39%/năm, chưa đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (14,5%/năm). Tuy vậy, với quy mô kinh tế đứng thứ 5 cả nước, trong bối cảnh khó khăn, thách thức nhiều hơn, đây vẫn là mức tăng trưởng khá cao; trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về tăng trưởng, đứng đầu 5 thành phố trực thuộc Trung ương và 11 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng.

| TT       | Nội dung                                                                               | Đơn vị           | Mục tiêu giai đoạn 2021-2025    |                 | Thực hiện                     |                 | Số với mục tiêu Đại hội |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|-----------------|-------------------------------|-----------------|-------------------------|
|          |                                                                                        |                  | Đến 2025                        | Bình quân 5 năm | Ước 2025                      | Bình quân 5 năm |                         |
| -        | Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến chế tạo | %                | 47-49                           |                 | 68,00                         |                 |                         |
| 4        | Thu ngân sách nhà nước                                                                 | Tỷ đồng          | 145.000                         |                 | 118.079,28                    |                 | Không đạt               |
|          | <i>Trong đó: thu nội địa</i>                                                           | <i>Tỷ đồng</i>   | 65.000                          |                 | 51.000,00                     |                 |                         |
| 5        | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội                                                            | Tỷ đồng          | 1.200.000 (giai đoạn 2021-2025) |                 | 981.260 (giai đoạn 2021-2025) |                 | Không đạt               |
| 6        | Kim ngạch xuất khẩu                                                                    | Tỷ USD           | 35                              |                 | 37                            |                 | Vượt                    |
| 7        | Sản lượng hàng hóa thông qua cảng                                                      | Triệu tấn        | 300                             |                 | 212                           |                 | Không đạt               |
| 8        | Thu hút khách du lịch                                                                  | Triệu lượt người | 20                              |                 | 10                            |                 | Không đạt               |
| 9        | Tỷ trọng năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng                  | %                | 47                              |                 | 48                            |                 | Vượt                    |
| 10       | Tỷ lệ số xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới                                          | %                | 100                             |                 | 100                           |                 | Đạt                     |
| <b>B</b> | <b>Các chỉ tiêu xã hội</b>                                                             |                  |                                 |                 |                               |                 |                         |
| 11       | Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị                                                    | %                | < 3,5                           |                 | < 3,5                         |                 | Đạt                     |
| 12       | Số lao động được giải quyết việc làm                                                   | Lượt người       |                                 | 55.800 lượt/năm |                               | 58.600 lượt/năm | Vượt                    |
| 13       | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                                             | %                | 87-88                           |                 | 87-88                         |                 | Đạt                     |
|          | - Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ                                                | %                | 40                              |                 | 40                            |                 |                         |
| 14       | Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) <sup>79</sup>                               | %                | 0                               |                 | 0                             |                 | Đạt                     |

<sup>79</sup> Đến hết năm 2024, trên địa bàn thành phố không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia, hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết trước 01 năm (đến năm 2025 không còn hộ nghèo).

| TT       | Nội dung                                                         | Đơn vị | Mục tiêu giai đoạn 2021-2025 |                 | Thực hiện |                 | So với mục tiêu Đại hội |
|----------|------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------|-----------------|-----------|-----------------|-------------------------|
|          |                                                                  |        | Đến 2025                     | Bình quân 5 năm | Ước 2025  | Bình quân 5 năm |                         |
| 15       | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế                           | %      | > 95                         |                 | 95,2      |                 | Vượt                    |
| <b>C</b> | <b>Chỉ tiêu môi trường</b>                                       |        |                              |                 |           |                 |                         |
| 16       | Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn                   | %      | 100                          |                 | 100       |                 | Đạt                     |
| 17       | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý <sup>80</sup>  |        |                              |                 |           |                 | Đạt                     |
|          | - Đô thị                                                         | %      | 100                          |                 | 100       |                 |                         |
|          | - Nông thôn                                                      | %      | 95                           |                 | 98        |                 |                         |
|          | Trong đó tỷ lệ xử lý bằng các công nghệ hiện đại, không chôn lấp | %      | > 50                         |                 | 10,00     |                 |                         |
| 18       | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật         | %      | 40-50                        |                 | 40,77     |                 | Đạt                     |

## 1.2. Các chỉ tiêu xây dựng Đảng

(19) Kết nạp từ 15.000 đến 15.500 đảng viên: tính đến ngày 30/6/2025, đã kết nạp được 19.201/15.500 đảng viên, đạt 123,8% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội.

(20) Hằng năm, 70% số doanh nghiệp ngoài Nhà nước có điều kiện; 100% số hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập có điều kiện thành lập được tổ chức Đảng: Xuất phát từ tình hình thực tế, chỉ tiêu này đã được điều chỉnh từ tỷ lệ % sang số tuyệt đối, theo đó bình quân mỗi năm thành lập 40 - 45 tổ chức đảng, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

<sup>80</sup> Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến hết năm 2025 ở đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 98%, đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết, tuy nhiên tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng các công nghệ hiện đại, không chôn lấp ước chỉ đạt 10%, thấp hơn nhiều chỉ tiêu Nghị quyết (đến năm 2025 là 50%).

## 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh Hải Dương

### 2.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

| TT | Nội dung                                              | Đơn vị tính | Mục tiêu 2021-2025 |                 | Mục tiêu đến 2030 | Thực hiện |                 | So với mục tiêu Đại hội |
|----|-------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-----------------|-------------------|-----------|-----------------|-------------------------|
|    |                                                       |             | Đến 2025           | Bình quân 5 năm |                   | Ước 2025  | Bình quân 5 năm |                         |
| 1  | Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)         | %           |                    | 9,0             |                   |           | 9,8             | Đạt                     |
|    | - Nông, lâm, thủy sản                                 | %           |                    | 3,0             |                   |           | 5,03            |                         |
|    | - Công nghiệp, xây dựng                               | %           |                    | 10,7            |                   |           | 12,32           |                         |
|    | - Dịch vụ                                             | %           |                    | 8,0             |                   |           | 6,67            |                         |
|    | GRDP bình quân đầu người                              | Tr.đồng     | 115                |                 | 200               | 122,6     |                 |                         |
|    |                                                       | USD         | 4.800              |                 | 7.700             | 4.913     |                 |                         |
| 2  | Thu nhập bình quân đầu người                          | Triệu đồng  | 85                 |                 | 140               | 85,2      |                 | Đạt                     |
| 3  | Tỷ trọng trong GRDP                                   |             |                    |                 |                   |           |                 | Đạt                     |
|    | - Nông, lâm, thủy sản                                 | %           | 8,0                |                 | 6,0               | 7,8       |                 |                         |
|    | - Công nghiệp, xây dựng                               | %           | 61,5               |                 | 63,8              | 63,8      |                 |                         |
|    | - Dịch vụ                                             | %           | 30,5               |                 | 30,2              | 28,4      |                 |                         |
|    | Cơ cấu lao động                                       |             |                    |                 |                   |           |                 |                         |
|    | - Nông, lâm, thủy sản                                 | %           | 19,0               |                 | 14,5              | 16,5      |                 |                         |
|    | - Công nghiệp, xây dựng                               | %           | 50,5               |                 | 53,0              | 53,1      |                 |                         |
|    | - Dịch vụ                                             | %           | 30,5               |                 | 32,5              | 30,4      |                 |                         |
| 4  | Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ         | %           | 33                 |                 | 43                | 33        |                 | Đạt                     |
|    | Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội | %           | 55                 |                 | 65                | 55        |                 |                         |
|    | Tỷ lệ bao phủ BHYT so với dân số                      | %           | 95                 |                 | >99               | 95        |                 |                         |
| 5  | Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp     | %           |                    | 50,0            |                   |           | 53,2            | Đạt                     |

| TT | Nội dung                                                                     | Đơn vị tính   | Mục tiêu 2021-2025 |                 | Mục tiêu đến 2030 | Thực hiện |                 | So với mục tiêu Đại hội |
|----|------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|-----------------|-------------------|-----------|-----------------|-------------------------|
|    |                                                                              |               | Đến 2025           | Bình quân 5 năm |                   | Ước 2025  | Bình quân 5 năm |                         |
|    | (TFP) vào tăng trưởng kinh tế                                                |               |                    |                 |                   |           |                 |                         |
|    | Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội                                        | %/năm         |                    | 8,5             |                   |           | 8,9             |                         |
| 6  | Số doanh nghiệp thành lập mới tăng hằng năm                                  | %/năm         |                    | 15,0            |                   |           | 6,5             | Không đạt               |
| 7  | Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản | Triệu đồng/ha | 210                |                 | 270               | 218       |                 | Đạt                     |
| 8  | Tỷ lệ xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu                                    | %             | 20                 |                 |                   | 20,2      |                 | Đạt                     |
| 9  | Tốc độ tăng thu ngân sách nội địa                                            | %             |                    | 10              |                   |           | 13,9            | Đạt                     |
| 10 | Tỷ lệ đô thị hóa                                                             | %             | 45                 |                 | 60                | 45        |                 | Đạt                     |
| 11 | Chỉ số phát triển con người (HDI)                                            |               | 0,77               |                 | 0,80              | 0,786     |                 | Đạt                     |
| 12 | Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn Quốc gia                                  |               |                    |                 |                   |           |                 | Đạt                     |
|    | Tr. đó: - Mầm non                                                            | %             | 70,0               |                 |                   | 79,7      |                 |                         |
|    | - Tiểu học                                                                   | %             | 98,7               |                 |                   | 98,7      |                 |                         |
|    | - Trung học cơ sở                                                            | %             | 95,0               |                 |                   | 95,0      |                 |                         |
|    | - Trung học phổ thông                                                        | %             | 80,0               |                 |                   | 90,2      |                 |                         |
| 13 | Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã)                           | Giường bệnh   | 36,0               |                 | 40,4              | 34,5      |                 | Không đạt               |
|    | Số bác sĩ/1 vạn dân                                                          | Bác sĩ        | 10,0               |                 | 11,0              | 12,5      |                 | Vượt                    |
| 14 | Số hộ nghèo giảm                                                             | Hộ            | giảm 4/5           |                 |                   | 3.500     |                 | Đạt                     |
|    | Tỷ lệ thất nghiệp còn                                                        | %             | 3-4                |                 |                   | 1,1       |                 |                         |

| TT | Nội dung                                                                                         | Đơn vị tính | Mục tiêu 2021-2025 |                 | Mục tiêu đến 2030 | Thực hiện     |                 | So với mục tiêu Đại hội |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-----------------|-------------------|---------------|-----------------|-------------------------|
|    |                                                                                                  |             | Đến 2025           | Bình quân 5 năm |                   | Ước 2025      | Bình quân 5 năm |                         |
|    | Tỷ lệ thiếu việc làm còn                                                                         | %           | 2                  |                 |                   | 0,65          |                 |                         |
| 15 | Tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa                                                                   | %           | 90                 |                 |                   | 93            |                 | Đạt                     |
|    | Tỷ lệ cơ quan văn hóa                                                                            | %           | 85                 |                 |                   | 86            |                 |                         |
| 16 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ - toàn trình                                                | %           | 80                 |                 |                   | 335/961 (35%) |                 | Đạt                     |
| 17 | Tỷ lệ các CCN (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung                      | %           | 100                |                 |                   | 100           |                 | Đạt                     |
|    | Tỷ lệ các doanh nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường | %           | 100                |                 | 100               | 100           |                 | Đạt                     |

## 2.2. Các chỉ tiêu xây dựng Đảng

(18) Hằng năm, có từ 80% tổ chức cơ sở đảng và 90% tổ chức cơ sở của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Kết quả thực hiện: đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

(19) Mỗi năm kết nạp từ 2.200 đảng viên mới trở lên. Kết quả thực hiện: dự kiến đến hết tháng 6 năm 2025, kết nạp được 9.863/11.000 đảng viên mới, đạt 89,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

## PHỤ LỤC 2

### **Phát triển không gian đô thị theo 03 hướng đột phá (nhiệm kỳ 2020 - 2025)**

-----

(1) Hướng Bắc Sông Cẩm: Cơ bản hoàn thiện Dự án hạ tầng Khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm; các công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính, Trung tâm Hội nghị - Biểu diễn thành phố. Tiếp tục triển khai xây dựng các công trình giao thông kết nối từ trung tâm thành phố sang khu đô thị mới Bắc Sông Cẩm và các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn Thủy Nguyên, tiêu biểu như: xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận; cải tạo đường 359; xây dựng tuyến đường từ Khu đô thị Bắc Sông Cẩm tới đường Khu công nghiệp VSIP sang đảo Vũ Yên; xây dựng cầu Máy Chai, cầu Nguyễn Trãi. Quyết liệt triển khai các Dự án đầu tư lớn tại khu vực như: Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Khu vui chơi, giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên, từng bước hoàn thiện tiêu chí đô thị của thành phố Thủy Nguyên.

(2) Hướng Cát Hải, Cát Bà: Phát triển mạnh về hướng biển khu vực đảo Cát Hải gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, theo mô hình đô thị dịch vụ, công nghiệp, cảng biển và dịch vụ hàng hải quốc tế. Mở rộng không gian phát triển cảng biển, công nghiệp, dịch vụ logistics và du lịch; mở rộng không gian đô thị Cảng khu vực quận Hải An và đảo Cát Hải. Phát triển đảo Cát Bà là đô thị du lịch biển, sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với bảo tồn phát huy giá trị Di sản thiên nhiên thế giới. Với hàng loạt Dự án du lịch cao cấp, tiêu biểu như: tuyến cáp treo từ đảo Cát Hải sang đảo Cát Bà; đường tỉnh 356; tuyến đường từ bến phà Gia Luận đến hang quân y; đoạn đường nối khu I - Tùng Dinh; các dự án lớn về du lịch, dịch vụ tại Vịnh Trung tâm Cát Bà, Cát Đồn, Xuân Đám... Đảo Cát Bà đang từng bước trở thành đảo du lịch không khí thải carbon, đảo xanh, thông minh và bền vững.

(3) Hướng Đồ Sơn và ven sông Lạch Tray: Kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm, đầu tư phát triển mạnh. Hạ tầng kinh tế - xã hội có chuyển biến rõ rệt, liên kết vùng được nâng cao, tiêu biểu như các dự án: cao tốc Hải Phòng - Hạ Long (đoạn tuyến của cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái); Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; triển khai các thủ tục để đầu tư xây dựng các bến cảng khởi động tại cảng Nam Đồ Sơn. Tiếp tục triển khai các khu dịch vụ, du lịch, khu vui chơi giải trí lớn, như: Khách sạn 5 sao và khu vui chơi giải trí thuộc Dự án Khu du lịch quốc tế Đồi Rồng; sân golf 18 hố ở phường Ngọc

Xuyên; Trung tâm thương mại AEON; khách sạn NIKEN; Bệnh viện Vinmec; các dự án phát triển khu đô thị mới dọc tuyến đường tỉnh 353, 355; các đơn vị ở mới tại Đồ Sơn, Dương Kinh và Kiến Thụy, tạo đà phát triển đô thị về phía biển, hình thành chuỗi, khu đô thị ven sông Lạch Tray.

---

### PHỤ LỤC 3

## **Kết quả thực hiện các đột phá; triển khai các công trình trọng điểm của hai Tỉnh, Thành phố (nhiệm kỳ 2020 - 2025)**

-----

### **1. Đối với thành phố Hải Phòng (cũ)**

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, thành phố Hải Phòng đề ra 03 đột phá:

#### ***1.1. Xây dựng, phát triển, hiện đại hóa đô thị Hải Phòng mang bản sắc, đặc trưng riêng của thành phố Cảng biển***

Đô thị trung tâm được tập trung chỉnh trang. Tập trung phát triển đô thị hướng biển và đô thị hai bên các dòng sông. Nhiều dự án, khu đô thị mới được đầu tư xây dựng nhanh, phát triển dần theo hướng Đông Nam, tiến ra phía biển Đồ Sơn được đầu tư xây dựng đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại ở khu vực cửa ngõ phía Nam Hải Phòng<sup>81</sup>, tạo cảnh quan và nâng cao chất lượng sống người dân khu vực đô thị. Di dời một phần cảng Hải Phòng tại khu vực bến Bính để xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ và công viên chân cầu, tạo kiến trúc cảnh quan khu vực trung tâm hướng ra sông Cấm. Đối với bờ Bắc Sông Cấm, thành phố đã và đang tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị đối với thành phố Thủy Nguyên, đô thị loại III.

#### ***1.2. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp***

Tập trung lớn nguồn lực để phát triển, hoàn thành xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, tạo động lực mới để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong, ngoài nước, cũng như tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế. Hạ tầng giao thông đường bộ tiếp tục có những bước phát triển đột phá, theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối các trung tâm kinh tế lớn trong vùng đồng bằng sông Hồng, các khu công nghiệp, khu đô thị, các vùng biển và cảng biển. Cảng biển không ngừng được mở rộng, năng lực vận tải, xếp dỡ hàng hóa được nâng cao, hệ thống kho bãi, cảng cạn được triển khai một cách thống nhất và đồng bộ. Hệ thống mạng lưới đường thủy nội địa phát triển tương đối hoàn thiện. Phối hợp triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; bảo đảm tiến độ nghiên cứu đầu tư đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh kết nối hành lang kinh tế Việt - Trung.

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, thành lập mới 10 khu công nghiệp, 13 cụm công nghiệp, nâng tổng số lên 23 khu công nghiệp, 20 cụm công nghiệp.

---

<sup>81</sup> Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Cầu Rào 2 của Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần; Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Mall và Hoàng Huy Commerce của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy; Dự án phát triển khu đô thị ven sông của Công ty TNHH Minato Việt Nam và Công ty TNHH Chiyoda Việt Nam, Công ty TNHH Chuo Việt Nam; Dự án Làng Việt kiều quốc tế của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh...

### ***1.3. Phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước***

Thành phố thu hút 15 dự án phát triển du lịch với tổng vốn đầu tư 111,21 nghìn tỷ đồng, gồm nhiều khu du lịch, vui chơi, nghỉ dưỡng quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Kết cấu hạ tầng du lịch tăng trưởng đáng kể trên cả quy mô và chất lượng; cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật du lịch<sup>82</sup>, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối tới các khu, điểm du lịch được tập trung đầu tư.

Chủ động, tích cực trong nghiên cứu đổi mới sản phẩm du lịch, thực hiện các chương trình hỗ trợ kích cầu du lịch để phục hồi và phát triển du lịch hiệu quả<sup>83</sup>. UNESCO công nhận quần thể vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà là Di sản Thiên nhiên thế giới. Tăng cường các hoạt động hợp tác, quảng bá du lịch thành phố<sup>84</sup>.

Dịch vụ và du lịch biển được quan tâm đầu tư, nhất là các chương trình, dự án<sup>85</sup> để thực hiện mục tiêu xây dựng, phát triển Cát Bà và Đồ Sơn trở thành trung tâm du lịch quốc tế với các sản phẩm du lịch biển đảo, gắn với các loại hình du lịch khác. Xây dựng và triển khai các Đề án: (i) tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (ii) phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới tại Hải Phòng đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

## **2. Đối với tỉnh Hải Dương (cũ)**

### ***2.1. Kết quả thực hiện 03 công trình trọng điểm***

(1) Tuyến đường trục Bắc Nam huyện Thanh Miện, kết nối với nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường tỉnh 392 huyện Bình Giang đã hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

(2) Trung tâm đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao thuộc Khu liên hợp văn hóa thể thao tỉnh: Đã khởi công năm 2025, dự kiến hoàn thành năm 2027.

(3) Hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công nghệ thông tin của chính quyền điện tử và đô thị thông minh cơ bản đảm bảo. Trung tâm dữ liệu DC của tỉnh đã đi vào hoạt

---

<sup>82</sup> Ước tính đến năm 2025, quy mô cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố đạt 17.000 phòng, tăng 25% so với năm 2020 (13.636 phòng), trong đó có 16 khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 -5 sao.

<sup>83</sup> Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm du lịch mới: du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch học đường, du lịch âm thực...; đẩy mạnh khai thác sản phẩm du lịch thể thao. Thúc đẩy phát triển du lịch MICE gắn với tổ chức các sự kiện văn hóa, hội nghị quốc tế lớn kết hợp du lịch mua sắm.

<sup>84</sup> Triển khai ký kết và thực hiện Chương trình hợp tác phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2025 với các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hà Nội, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Điện Biên, Hà Giang, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Bình Định, Cần Thơ... và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Thực hiện một số chương trình hợp tác phát triển du lịch, hàng không giữa thành phố Hải Phòng và Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines); giữa Hải Phòng với tỉnh Viêng Chăn và Udomxay (Lào).

<sup>85</sup> Công viên Legend Park khu vực Đồi Rồng; Khách sạn Wyndham Dragon Ocean Khu Du lịch quốc tế Đồi Rồng; Bãi tắm nhân tạo đầu tiên của Hải Phòng tại Khu du lịch quốc tế Đồi Rồng; Khách sạn M'Gallery Cát Bà (giai đoạn 2).

động từ đầu năm 2024; Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC và Trung tâm giám sát an ninh không gian mạng SOC hoạt động từ đầu năm 2025.

## ***2.2. Kết quả thực hiện các khâu đột phá***

### **(1) Môi trường đầu tư, kinh doanh**

Với tinh thần vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có bước cải thiện khá rõ trên một số mặt<sup>86</sup>. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng xây dựng các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh<sup>87</sup>. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp đã được rút ngắn so với quy định<sup>88</sup> như: lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, thẩm định dự án đầu tư, đất đai, thuế, hải quan, xây dựng, tiếp cận điện năng...

### **(2) Hạ tầng kỹ thuật**

- Về giao thông: Đã tập trung nguồn lực triển khai 57 dự án giao thông đường bộ quan trọng với tổng chiều dài khoảng 285 km, tổng mức đầu tư gần 30.000 tỷ đồng. Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng 15 dự án, đang thi công 16 dự án, đang thực hiện chuẩn bị đầu tư 26 dự án.

- Về năng lượng và cấp điện trên địa bàn tỉnh đã cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội<sup>89</sup>.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: được đầu tư nâng cấp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước của cán bộ, công chức trong toàn tỉnh. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được đầu tư nâng cấp phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến. Hệ thống Công thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đã được nâng cấp và hoàn thiện, liên thông 3 cấp. Chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Hải Dương luôn được đánh giá cao.

---

<sup>86</sup> Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI được đánh giá qua các năm: 47 (2020), 13 (2021), 33 (2022), 17 (2023).

<sup>87</sup> Ban hành mới một số văn bản: 1) Quy trình chấp thuận, điều chỉnh đối với dự án nằm ngoài khu công nghiệp; 2) Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách phần diện tích đất công thành dự án độc lập; 3) Quy định chế độ ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh; 4) Danh mục thu hút đầu tư, hạn chế thu hút đầu tư và không thu hút đầu tư; 5) Tiêu chí đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; 6) Danh mục các khu đất thực hiện đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

<sup>88</sup> Thời gian giải quyết TTHC trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp giảm từ 3 ngày xuống tối đa 02 ngày; thời gian trình quyết định giao đất, cho thuê đất đối với DN giảm từ 09 ngày xuống 06 ngày; thủ tục đăng ký biến động do thay đổi thông tin của người được cấp GCN từ 10 ngày xuống 07 ngày; cấp giấy phép xây dựng trung bình 8 ngày; thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn rút ngắn được 05 ngày....

<sup>89</sup> Hiện tỉnh có 02 nhà máy nhiệt điện (than) đang hoạt động với tổng công suất 2.240MW; 04 trạm biến áp 220kV với tổng công suất 1.750MVA; 25 trạm biến áp 110kV với tổng công suất 2.333MVA.

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp được tập trung quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ xây dựng. Quy hoạch và xây dựng mới 08 khu công nghiệp và 24 cụm công nghiệp, nâng tổng số lên 20 khu công nghiệp và 60 cụm công nghiệp, đã và đang phát triển một số trung tâm logistics lớn.

- Hạ tầng đô thị: Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị nhất là hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, chú trọng xây dựng hạ tầng xử lý nước thải, rác thải tập trung, đảm bảo đô thị có nhiều không gian công viên, cây xanh, diện tích mặt nước, công trình công cộng để nâng cao chất lượng cuộc sống, tinh thần lâu dài, bền vững cho nhân dân. Phát triển đô thị Hải Dương theo hướng tăng trưởng xanh, thông minh, bền vững nằm trong chuỗi đô thị động lực với vai trò chia sẻ, hợp tác, liên kết các chức năng trong Vùng Thủ đô và vùng đồng bằng Sông Hồng.

### (3) Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp từng bước đổi mới tư duy, năng lực lãnh đạo. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đạt tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp 94/372 đồng chí, bằng 25,2%; cán bộ lãnh đạo các sở, ngành đạt tiêu chuẩn chuyên viên chính 190/192 đồng chí, bằng 98,9%. Cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy quản lý đạt tiêu chuẩn chuyên viên chính 388/457 đồng chí, bằng 84,9%; 100% cấp ủy xã, 93,59% (1.928/2.060) công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên.

Ban hành một số chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề<sup>90</sup>. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở đào tạo. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chú trọng đào tạo ngắn hạn, đào tạo nghề gắn với truyền nghề. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đến năm 2025 đạt mục tiêu đề ra (33%).

Ban hành và thực hiện chính sách thu hút tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài đối với một số lĩnh vực. Tổ chức 50 lớp tập huấn, bồi dưỡng các doanh nghiệp, doanh nhân về kiến thức khởi nghiệp, quản trị kinh doanh.

---

<sup>90</sup> Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các trường nghề đạt từ 18% đến 23,3%; học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học trung cấp, cao đẳng đạt từ 12,6% đến 13,8 %. Năm 2024 quy mô tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp ước đạt 34.700 người; tuyển sinh đại học và trên đại học đạt 19.081 sinh viên.

PHỤ LỤC 4:  
**Một số dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2025 - 2030**

-----

**1. Các quy hoạch, đề án trọng điểm**

(01) Quy hoạch thành phố Hải Phòng (thay thế Quyết định số 1516/QĐ-TTg và Quyết định số 1639/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

(02) Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng (thay thế Quyết định số 323/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

(03) Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng.

(04) Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng.

(05) Đề án Thành lập Khu thương mại tự do thế hệ mới.

(06) Đề án Thành lập Khu kinh tế chuyên biệt (hoặc hình thức khác với quy mô và tính chất phù hợp với định hướng phát triển của thành phố trong tình hình mới).

(07) Đề án nâng cao năng lực hệ thống y tế công lập thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

(08) Đề án về xây dựng đội ngũ cán bộ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035.

(09) Đề án thành lập Khu kinh tế phía Bắc Hải Phòng.

(10) Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030.

(11) Đề án xây dựng nhiệm vụ, giải pháp tổng thể thay đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến 2045.

(12) Đề án chuyển đổi xanh thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2050.

**2. Các dự án, công trình thành phố chủ trì triển khai, thực hiện**

**2.1. Các dự án thuộc lĩnh vực giao thông**

(01) Dự án hoàn thiện tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10.

(02) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển.

(03) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 2.

(04) Dự án đầu tư xây dựng cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (đoạn qua thành phố Hải Phòng và 09 km trên địa bàn tỉnh Hưng Yên).

(05) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ven biển đến đường sau cảng Nam Đồ Sơn.

(06) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Lạch Tray - Hồ Đông.

(07) Dự án hoàn thiện tuyến Vành đai 3 (từ ĐT.362 đến QL.10) và mở rộng Quốc lộ 10.

(08) Dự án xây dựng tuyến nối QL.18 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Quốc lộ 10.

(09) Dự án tuyến đường tốc độ cao kết nối Đông - Tây thành phố Hải Phòng.

(10) Dự án xây dựng tuyến đường kết nối cao tốc Hà Nội – Hải Phòng-với sân bay Gia Bình (gồm ĐT.394B kéo dài, Đại lộ Võ Nguyên Giáp kéo dài).

(11) Dự án xây dựng trục kết nối cảng Lạch Huyện, khu vực phía Bắc thành phố với sân bay Gia Bình (đường Vành đai 3 đến cầu Kênh Vàng).

(12) Dự án đầu tư hoàn thiện dự án đường Vành đai 1 khu vực Tây Hải Phòng.

(13) Dự án nâng cấp, mở rộng QL.37 và xây dựng cầu Bình/QL.37.

(14) Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu vay vốn Ngân hàng thế giới.

(15) Dự án đầu tư đường Tân Vũ - Lạch Huyện 2.

(16) Dự án đầu tư tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 với đường ven sông thành phố Đông Triều.

## ***2.2. Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị***

(17) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ra đảo Cát Bà.

(18) Dự án đầu tư xây dựng công viên phía nam sông Cẩm (đoạn từ cầu Nguyễn Trãi đến hạ lưu sông Cẩm).

(19) Dự án đầu tư xây dựng Khu công viên Hồ Đông thành phố Hải Phòng.

(20) Các khu đô thị theo mô hình TOD tại khu vực các ga đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

(21) Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các đô thị trên địa bàn thành phố.

(22) Dự án xây dựng công viên khu vực phía Tây thuộc phường Thạch Khê và Tân Hưng.

(23) Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, đầu tư trụ sở hành chính cấp xã.

(24) Chương trình chỉnh trang đô thị hai bên các dòng sông trong đô thị thành phố Hải Phòng.

### ***2.3. Các dự án thuộc lĩnh vực đô thị, thủy lợi, môi trường***

(25) Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu.

(26) Dự án cải tạo, nâng cấp kè Sông Sắt.

(27) Dự án đầu tư xây dựng bảo vệ và cải thiện chất lượng nguồn nước sông Đa Độ, Sông Giá và Sông Rế, hệ thống nước sạch nông thôn.

### ***2.4. Các dự án thuộc lĩnh vực chuyển đổi số, văn hóa, xã hội***

(28) Dự án số hóa hệ thống dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố.

(29) Dự án xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo.

(30) Dự án Khu liên hợp văn hóa thể thao thành phố.

(31) Dự án xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quảng trường phía trước Trung tâm Chính trị - Hành Chính thành phố tại Khu đô thị Bắc Sông Cấm.

(32) Dự án Khu du lịch sinh thái hồ Thanh Long.

(33) Dự án khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Bến Tắm.

(34) Dự án đầu tư xây dựng Khu Bảo tàng và Trung tâm Văn hóa - Lịch sử thành phố Hải Phòng.

(35) Các dự án tu bổ, tôn tạo các di tích được xếp hạng trên địa bàn thành phố.

(36) Dự án đầu tư cải tạo, xây mới một số trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở, Tiểu học, mầm non trên địa bàn thành phố.

(37) Dự án xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu sử dụng chung của Công an thành phố.

(38) Dự án cải tạo, sửa chữa nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.

### **3. Các dự án, công trình thành phố phối hợp thực hiện**

(39) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; bồi thường, hỗ trợ, xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

(40) Dự án nhà ga hành khách T2, nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.

(41) Các công trình, dự án phát triển huyện đảo Bạch Long Vĩ thành trung tâm kinh tế - quốc phòng khu vực vịnh Bắc Bộ.

(42) Dự án đầu tư xây dựng Vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội.

(43) Dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường sắt Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng.

(44) Dự án cảng Nam Đồ Sơn.

(45) Các bến cảng còn lại Cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện.

(46) Dự án Nhà máy nhiệt điện khí LNG Hải Phòng.

(47) Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đốt rác phát điện Đình Vũ.

(48) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải Seraphin Hải Dương tại khu xử lý Việt Hồng, xã Hà Bắc.

---